

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH



TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106313 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/09/2010, cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 06/04/2016

Địa chỉ: Số 124 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 04 38637747 Fax: 04 3863 8104

Website: <http://www.lilama.com.vn/>

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên: Bùi Đức Kiên

Chức vụ: Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng

Số điện thoại: 0913.254.032



MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	4
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	4
1.1. Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký giao dịch.....	4
1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch	5
1.3. Lịch sử hình thành và phát triển.....	6
1.4. Quá trình tăng vốn điều lệ.....	9
2. Cơ cấu tổ chức công ty	9
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty.....	10
4. Danh sách cổ đông tại thời điểm 01/12/2016	12
5. Danh sách công ty mẹ và công ty con của Lilama, những công ty mà Lilama đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Lilama	12
6. Hoạt động kinh doanh	14
6.1. Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty	14
6.2. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm.....	16
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất.....	17
8. Vị thế của Tổng Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	20
8.1. Vị thế của Tổng Công ty trong ngành.....	20
8.2. Triển vọng phát triển của ngành.....	21
8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổng Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.....	21
9. Chính sách đối với người lao động.....	22
9.1. Tình hình lao động	22
9.2. Chính sách đối với người lao động	22
10. Chính sách cổ tức	24
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	24
11.1. Các chỉ tiêu cơ bản	24
11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	27
12. Tài sản	29
13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2017	31
13.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2017.....	31
13.2. Căn cứ xây dựng kế hoạch lợi nhuận, cổ tức.	31
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổng Công ty	35
15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.....	35
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá của cổ phiếu	38
II. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	38
1. Hội đồng quản trị.....	38
2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát.....	44
3. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý	47
4. Kế hoạch tăng cường quản trị của Tổng Công ty.....	52
III. PHỤ LỤC	55

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký giao dịch

- Tên Công ty: Tổng công ty lắp máy Việt Nam - CTCP
- Tên tiếng Anh: Vietnam Machinery Installation Corporation – JSC
- Tên viết tắt: LILAMA
- Vốn điều lệ đăng ký: 797.261.040.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 797.261.040.000 đồng
- Trụ sở chính: Số 124 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Điện thoại: 04 38637747 Fax: 04 3863 8104
- Website <http://www.lilama.com.vn/>
- Ngày trở thành công ty đại chúng: 28/07/2016
- Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Văn Tuấn; Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Logo của Tổng Công ty: Logo của LILAMA là Quả địa cầu hình Elip, nền màu xanh lam, có các đường kinh tuyến và vĩ tuyến, ở giữa có chữ LILAMA màu đỏ trên nền trắng in nghiêng. Logo đã được Cục sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa theo Quyết định số A4626/QĐ-DK ngày 21/07/2004, như dưới đây:



- Giấy chứng nhận ĐKKD: Đăng ký doanh nghiệp số 0100106313 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/09/2010, cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 06/04/2016
- Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty:
 - Kinh doanh, xuất khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, nguyên phụ liệu sản xuất, tiêu dùng, dây chuyền công nghệ - tự động hóa, hàng tiêu dùng, phương tiện vận tải; làm đại lý tiêu thụ cho các hãng trong và ngoài nước các mặt hàng phục vụ sản xuất và tiêu dùng theo quy định của pháp luật;
 - Dịch thuật các tiêu chuẩn và tài liệu chuyên ngành về lĩnh vực chế tạo và lắp đặt thiết bị, các dây chuyền công nghệ mới; Đào tạo công nhân kỹ thuật các ngành nghề để phục vụ nhu cầu sản xuất cho Tổng công ty và ngoài xã hội; đào tạo nâng cao và cấp chứng chỉ cho thợ hàn; đào tạo và thực hiện việc đưa người lao động Việt Nam (trong và ngoài Tổng công ty) đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài;
 - Kiểm tra, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, hệ thống điều khiển tự động, hệ thống nhiệt

cho các dây chuyền công nghệ; giám sát, kiểm tra chất lượng các mối hàn và tính chất cơ lý của vật liệu;

- Đóng mới và sửa chữa các loại tàu, thuyền vận tải đường sông và đường biển;
- Thiết kế, chế tạo thiết bị và gia công kết cấu thép cho các công trình công nghiệp, dân dụng;
- Tư vấn xây dựng, tổng thầu toàn bộ hoặc một phần của dự án đầu tư các công trình công nghiệp, dân dụng, và hạ tầng kỹ thuật như: lập dự án, thiết kế (chỉ hoạt động trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký) và lập tổng dự toán, tư vấn giám sát, quản lý dự án, cung cấp thiết bị công nghệ và điều khiển tự động;
- Kinh doanh bất động sản, du lịch lữ hành, khách sạn, nhà hàng và khu vui chơi giải trí;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, các thiết bị siêu trường siêu trọng, cho thuê thiết bị thi công và vận tải; Đầu tư và xây dựng các công trình, bao gồm: công nghiệp (thủy điện, nhiệt điện, xi măng, hóa dầu, giấy và thép), dân dụng, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước và hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Xuất khẩu lao động, vật tư, thiết bị, công nghệ về lắp máy và xây dựng;
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh phát triển nhà, tư vấn xây dựng;
- Tổng thầu EPC xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và công nghiệp, các công trình đường dây trạm biến thế điện;
- Sản xuất kinh doanh xây dựng theo quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành xây dựng của nhà nước, bao gồm các lĩnh vực thi công lắp đặt thiết bị máy móc./.

1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Tên chứng khoán: Cổ phiếu Tổng công ty lắp máy Việt Nam - CTCP
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng
- Mã chứng khoán: **LLM**
- Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch: 79.726.104 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký giao dịch (nếu có): 20.800 cổ phiếu.
 - + Hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập: 0 cổ phiếu
 - + Hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông là CBCNV theo quy định của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 về cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước: 20.800 cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng trong thời gian người lao động cam kết làm việc tại doanh nghiệp.
- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài: Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Tổng Công ty đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số

58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; và Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Tính đến ngày 26/04/2017, tỷ lệ nắm giữ của các tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Tổng Công ty là 0%.

1.3. Lịch sử hình thành và phát triển

Tổng công ty lắp máy Việt Nam - CTCP (gọi tắt là LILAMA) trước đây là doanh nghiệp do Bộ Xây dựng sở hữu 100% vốn điều lệ; hoạt động trong các lĩnh vực xây lắp, gia công, chế tạo thiết bị cho các công trình công nghiệp và dân dụng với đội ngũ cán bộ, kỹ sư có trình độ khoa học kỹ thuật cao, công nhân lành nghề và phương tiện, máy móc thi công chuyên ngành tiên tiến.

❖ Giai đoạn 1960 - 1975:

Ngày 01/12/1960, Công ty Lắp máy được ra đời. Từ những bước chập chững đầu tiên, người thợ lắp máy đã tham gia lắp đặt thành công nhiều công trình công nghiệp, dân dụng và quốc phòng quan trọng như: Thủy điện Thác Bà, Cao Bằng, nhiệt điện Hàm Rồng, Lào Cai, Việt Trì, Ninh Bình, Ưông Bí, khu công nghiệp Việt Trì, nhà máy phân đạm Hà Bắc, nhà máy đường Vạn Điểm 2, nhà máy Suppe phốt phát Lâm Thao, nhà máy cơ khí Cẩm Phả, nhà máy Dệt 8/3, nhà máy xi măng Hải Phòng mở rộng...

Năm 1960, Công ty đã vinh dự nhận cờ thi đua của Hồ Chủ tịch, nhiều lần được Chủ tịch nước tặng láng hoa, Chính phủ tặng cờ thi đua, bằng khen...

❖ Giai đoạn 1976 - 1995:

Ngày 11/10/1979, Công ty Lắp máy chuyển sang hoạt động theo mô hình Liên hiệp các xí nghiệp Lắp máy.

Từ năm 1993 khi đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tăng vọt, nhiều công trình có vốn đầu tư nước ngoài được triển khai đầu tư xây dựng. Những người thợ Lắp máy lại tiếp tục thực hiện, hoàn thành bàn giao nhiều công trình đúng, vượt tiến độ với chất lượng cao như công trình: Chân đế giàn khoan Dầu khí, nhà máy Giấy Bãi Bằng, nhà máy Giấy Tân Mai, lắp các trạm biến áp, trạm bù, gia công trên 3000 tấn cột điện thuộc hệ thống đường dây tải điện 500 KV Bắc Nam và hàng ngàn tấn cột phát sóng truyền hình Viba trong cả nước, gia công, chế tạo và lắp đặt thiết bị cho nhà máy bột ngọt VEDAN, nhà máy Xi măng Chinfon, Hải Phòng, thủy điện Trị An, Thác Mơ, Yaly đạt yêu cầu; tham gia thi công nhiều công trình có quy mô lớn ở nước ngoài như trường đại học Oran ở Angiêri, nhà máy nhiệt điện ở Bungari, Liên bang Nga và các công trình ở I rắc, Libi... Đặc biệt chế tạo được các loại bình, bồn, bể chứa khí gas, chứa dầu đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế cho các dự án như Shell Gas Hải Phòng, Sài Gòn Petro, Petro Việt Nam...

Ngày 01/12/1995, ngành Lắp máy Việt Nam lại một lần nữa chuyển đổi mô hình hoạt động từ Liên hiệp các xí nghiệp Lắp máy thành Tổng công ty lắp máy Việt Nam. Đây là bước ngoặt, đánh dấu sự thay đổi to lớn về chất cho các doanh nghiệp nhà nước nói chung và Tổng công ty lắp máy Việt Nam nói riêng.

Những đóng góp của LILAMA đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc đã được Đảng và

Nhà nước ghi nhận, tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý:

- + 1 Huân chương Chiến công
- + 5 Huân chương Độc lập hạng Ba
- + 2 Huân chương Độc lập hạng Nhì
- + 3 Huân chương Độc lập hạng Nhất

❖ **Giai đoạn 1996 - 2000:**

Ban Lãnh đạo LILAMA đã xây dựng "*Chiến lược phát triển Tổng công ty đến năm 2010*", chia làm ba giai đoạn theo đúng định hướng phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước. Đây là chiến lược phát triển đúng đắn, táo bạo, khoa học, phù hợp với thực tiễn phát triển của Tổng công ty và đất nước.

Công tác chế tạo và lắp đặt thiết bị được áp dụng theo công nghệ hiện đại với những thiết bị thi công tiên tiến mang lại thành công to lớn cho ngành Lắp máy. Chất lượng sản phẩm được nâng cao, thời gian thi công được rút ngắn ví dụ như: nhà máy nhiệt điện Phả Lại 1 công suất 440MW trước đây lắp đặt trong 8 năm, nay nhà máy nhiệt điện Phả Lại 2 có công suất gần gấp 1,5 lần thời gian thi công dưới 2 năm, nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ 1 thuộc tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu có công suất 1.080MW chỉ thi công trong gần 2 năm. Tiến độ thi công các công trình được thực hiện nhanh chóng nhưng vẫn thỏa mãn các yêu cầu khắt khe về chất lượng và hiệu quả kinh tế.

Trải qua quá trình phấn đấu, phát triển không ngừng, thành tích của Tổng công ty được Đảng, Nhà nước ghi nhận và trao tặng Huân chương Hồ Chí Minh vào năm 2000.

❖ **Giai đoạn 2001 - 2005:**

Đây là giai đoạn quyết định của LILAMA trong vai trò Tổng thầu EPC. Tổng công ty lắp máy Việt Nam được giao là Tổng thầu EPC thực hiện dự án nhiệt điện Uông Bí mở rộng công suất 300MW với vốn đầu tư gần 300 triệu USD. Sự kiện này đã đưa LILAMA từ vai trò làm thầu phụ thực hiện phần việc "C", nay trở thành nhà thầu chính. LILAMA đảm nhận toàn bộ cả phần "E" và "P", tức cả tư vấn thiết kế và cung cấp vật tư, thiết bị đối với công trình; dự án nhiệt điện Cà Mau 1 công suất 750MW với giá trị 360 triệu USD.

Năm 2005, LILAMA kỷ niệm 45 năm thành lập với dấu ấn đặc biệt quan trọng. Tại dự án Trung tâm Hội nghị Quốc gia - công trình được thực hiện theo tiêu chuẩn Châu Âu được xây dựng tại Việt Nam, LILAMA đã tập trung lực lượng tinh nhuệ nhất của mình để đảm nhận khối lượng công việc trên 40% toàn bộ dự án, bàn giao công trình đúng tiến độ và đạt chất lượng cao, phục vụ hội nghị thượng đỉnh APEC tháng 11/2005.

Những đóng góp của LILAMA cho sự nghiệp phát triển đất nước được Đảng và Nhà nước ghi nhận. Tổng công ty lắp máy Việt Nam được tặng danh hiệu đơn vị Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới. Sự kiện này khẳng định sự thành công của LILAMA trong quá trình đổi mới và phát triển, tạo ra các tiền đề cơ bản về cơ sở vật chất, năng lực quản lý để thực hiện thành công nhiệm vụ trong chiến lược phát triển của mình.

❖ Giai đoạn 2006 - 2010:

Năm 2006, LILAMA tiếp tục được chọn là nhà Tổng thầu EPC thực hiện dự án nhiệt điện Cà Mau 2 công suất 750 MW với giá trị 330,3 triệu USD, tiếp đến là dự án nhiệt điện Nhơn Trạch 1 công suất 450 MW giá trị gần 305 triệu USD. Chỉ trong thời gian 11 tháng, LILAMA ký 03 Hợp đồng EPC nhà máy điện với tổng công suất 1.950MW, tổng giá trị gần 1 tỷ USD (gồm cả nhà máy điện Cà Mau 1).

Quý I/2009, nhà máy Lọc dầu Dung Quất được bàn giao cho Chủ đầu tư Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, những sản phẩm xăng dầu đầu tiên của Việt Nam được bắt nguồn từ đây. Tiếp đến là việc bàn giao đúng tiến độ nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 1 tháng 4/2009, nhà máy xi măng Sông Thao tháng 11/2009. Các nhà máy thủy điện Sông Vàng, Sông Ông cũng đã hòa lưới điện quốc gia...

Ngày 9/4/2009, LILAMA tiếp tục ký 02 hợp đồng EPC dự án nhiệt điện Vũng Áng 1 công suất 1.200MW và dự án nhiệt điện Nhơn Trạch 2 công suất 750MW, tổng giá trị hợp đồng gần 1,7 tỷ USD.

❖ Giai đoạn 2010 - 2015:

Năm 2010, LILAMA chuyển đổi sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nhà nước theo Quyết định số 93/TĐSD-HĐQT ngày 30/6/2010 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Sông Đà và đến năm 2012, Công ty mẹ - Tập đoàn Sông Đà đã chuyển quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu vốn nhà nước tại LILAMA về Bộ Xây dựng theo Quyết định số 913/QĐ-BXD ngày 18/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

LILAMA đã thực hiện thành công, bàn giao đưa vào sử dụng ổn định dự án nhiệt điện đốt than Vũng Áng 1 có công suất lớn nhất tại Việt Nam; hoàn thành bàn giao dự án thủy điện Hòa Na; ký kết hợp đồng EPC với Tập đoàn dầu khí Quốc gia (PVN) thực hiện dự án nhiệt điện Sông Hậu 1.

Trải qua 55 năm xây dựng, phát triển và trưởng thành LILAMA đã thực hiện và bàn giao hàng ngàn dự án lớn nhỏ, góp phần quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. LILAMA được đánh giá là Tổng thầu EPC hàng đầu Việt Nam, là một trong những nhà thầu xây lắp đứng đầu trong lĩnh vực thi công các công trình công nghiệp và dân dụng tại Việt Nam.

❖ Giai đoạn chuyển đổi hình thức hoạt động sang công ty cổ phần:

Thực hiện theo Phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên đã được phê duyệt theo Quyết định số 1036/QĐ-TTg ngày 10/07/2015 của Thủ tướng Chính phủ, ngày 26/11/2015, 35.550.250 cổ phần của Tổng Công ty đã được đấu giá lần đầu ra công chúng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với kết quả như sau:

- + Số cổ phần đưa ra đấu giá : 35.550.250 cổ phần
- + Tổng khối lượng đăng ký mua : 1.091.700 cổ phần
- + Giá đấu thành công cao nhất : 11.200 đồng/cổ phần
- + Giá đấu thành công thấp nhất : 10.300 đồng/cổ phần
- + Giá đấu thành công bình quân : 10.362 đồng/cổ phần
- + Tổng số lượng cổ phần bán được : 1.091.700 cổ phần

+ Tổng giá trị cổ phần bán được : 11.312.290.000 đồng

Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số số 0100106313 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 06/04/2016.

1.4. Quá trình tăng vốn điều lệ

Kể từ thời điểm hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP chưa thực hiện tăng vốn điều lệ.

2. Cơ cấu tổ chức công ty



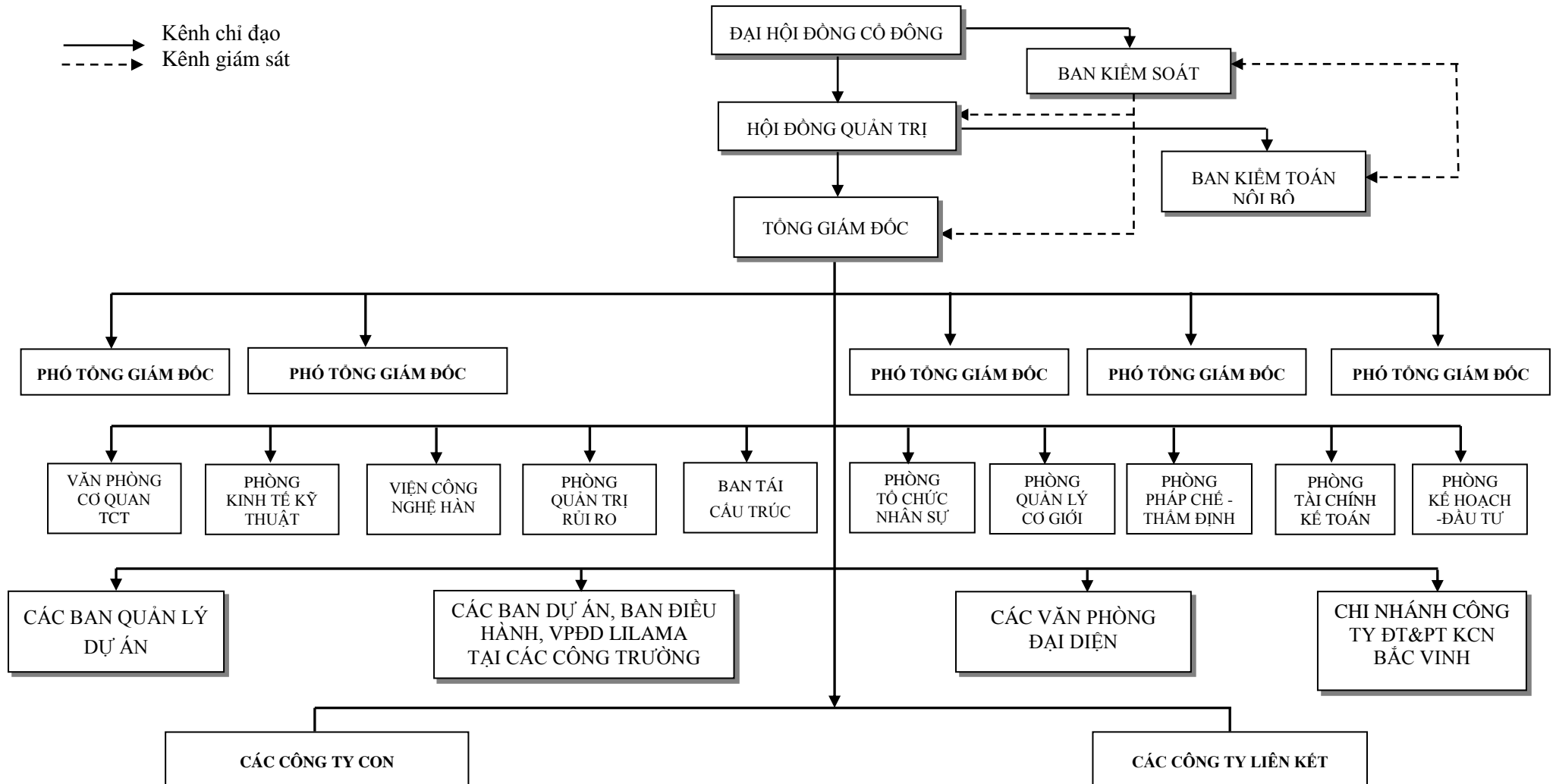
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014. Các hoạt động của Tổng Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng Công ty.

Trụ sở chính của Tổng Công ty là nơi đặt văn phòng làm việc của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các khối nghiệp vụ của Tổng Công ty.



3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

Sơ đồ tổ chức Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP



❖ Đại hội đồng cổ đông

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Tổng công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Tổng công ty quy định. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu Hội đồng Quản trị của Tổng công ty và Ban kiểm soát Tổng công ty.

❖ Hội đồng quản trị (HDQT)

Là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Tổng công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Quyền và nghĩa vụ của HDQT do Luật pháp và điều lệ Tổng công ty, các quy chế nội bộ của Tổng công ty quy định.

❖ Ban kiểm soát

Thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Tổng công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Tổng công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HDQT;

Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Tổng công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HDQT và Ban Tổng giám đốc;

Yêu cầu HDQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;

Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

❖ Ban Tổng giám đốc

Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua và thực hiện các nhiệm vụ khác theo điều lệ Tổng công ty.

❖ Các phòng, ban/viện chức năng:

Tổng công ty có Ban kiểm toán nội bộ, 08 phòng nghiệp vụ và Viện công nghệ. Ngoài ra, cơ cấu quản lý của Tổng công ty bao gồm: Ban tái cấu trúc, các Ban quản lý dự án, Ban điều hành, các văn phòng đại diện và chi nhánh công ty Đầu tư và Phát triển KCN Bắc Vinh. Chức năng nhiệm vụ của các phòng, ban/viện được quy định cụ thể trong các quy chế quản trị nội bộ của Tổng Công ty.

❖ Các công ty con, Công ty liên kết

Lilama hiện nay đang có 13 công ty con và 6 công ty liên kết

4. Danh sách cổ đông tại thời điểm 26/04/2017

Bảng 1 - Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 26/04/2017.

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Bộ Xây dựng	37 Lê Đại Hành, Hà Nội	78.032.404	97,88
	Tổng		78.032.404	97.88

Nguồn: Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP

Bảng 2 - Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 26/04/2017

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I. Cổ đông Nhà nước	1	78.032.404	97,88
II. Cổ đông trong nước	382	1.693.700	2,12
Cá nhân	382	1.693.700	2,12
Tổ chức	-	-	-
III. Cổ đông ngoài nước	-	-	-
Cá nhân	-	-	-
Tổ chức	-	-	-
Tổng	383	79.726.104	100,00

Nguồn: Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP

Hiện Công ty có 383 cổ đông, trong đó có 01 cổ đông nhà nước, 382 cổ đông là cá nhân trong nước.

Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ

Theo Điều lệ và tổ chức hoạt động của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP, Công ty không có cổ đông sáng lập

5. Danh sách công ty mẹ và công ty con của Lilama, những công ty mà Lilama đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Lilama

Công ty mẹ của Lilama.

Không có

Công ty con:**Bảng 3 – Danh sách công ty con của Lilama tại ngày 31/12/2016**

TT	Tên công ty	Số ĐKKD, nơi cấp	Hoạt động chính	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1.	Công ty Cổ phần Lilama 5	ĐKKD số 2800233448 cấp tại Thanh Hóa	Sản xuất sản phẩm cơ khí	51.497	51%
2.	Công ty Cổ phần Lilama 7	ĐKKD số 0400100986 cấp tại Đà Nẵng	Lắp đặt máy móc và thiết bị CN	50.000	51%
3.	Công ty Cổ phần Lilama 10	ĐKKD số 5400101273 cấp tại Hà Nội	Xây dựng công trình công ích	98.900	51,05%
4.	Công ty Cổ phần Lilama 18	ĐKKD số 0300390921 cấp tại Tp. Hồ Chí Minh	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	93.886	51%
5.	Công ty Cổ phần Lilama 45.1	ĐKKD số 0301443037 cấp tại Tp. Hồ Chí Minh	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	48.000	51%
6.	Công ty Cổ phần Lilama 69.1	ĐKKD số 0800842319 cấp tại Hải Dương	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	75.762	51%
7.	Công ty Cổ phần Lilama 69.2	ĐKKD số 0200155547 cấp tại Hải Phòng	Lắp đặt máy móc và thiết bị CN	57.418	53,08%
8.	Công ty Cổ phần Lilama 69.3	ĐKKD số 0800001972 cấp tại Hải Dương	Sản xuất sản phẩm cơ khí	77.696	66,77%
9.	Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama	ĐKKD số 2700224390 cấp tại Ninh Bình	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	32.651	51%
10.	Công ty Cổ phần Tư vấn quốc tế LHT	ĐKKD số 0102114528 cấp tại Hà Nội	Cung cấp hoạt động tư vấn, thiết kế, quản lý dự án	32.000	60%
11.	Công ty Cổ phần thủy điện Sông Vàng	ĐKKD số 0400476650 cấp tại Đà Nẵng	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	148.206	53,84%
12.	Công ty Cổ phần Lisemco	ĐKKD số 0200169677 cấp tại Hải Phòng	Đóng tàu và cầu kiện nổi	162.596	79,98%
13.	Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Lilama ^(*)	ĐKKD số 0101367050 cấp tại Hà Nội	Xây dựng nền móng của toà nhà; Sản xuất sản phẩm cơ khí	160.000	59,51%
14.	CTCP Tôn mạ màu Việt	ĐKKD số 0101367050	Gia công cơ khí, xử	69.000	85,67%

Pháp ^(**)	cấp tại Hà Nội	lý trạng phủ kim loại		
----------------------	----------------	-----------------------	--	--

Nguồn: Lilama

(*) Ngày 17/01/2017, LILAMA đã thoái vốn tại CTCP Đầu tư Xây dựng Lilama, giảm tỷ lệ sở hữu của LILAMA tại CTCP Đầu tư Xây dựng Lilama xuống 43,3%. Tính từ thời điểm này, CTCP Đầu tư Xây dựng Lilama trở thành công ty liên kết của Tổng công ty.

(**) Theo quyết định số 1036/QĐ-TTG ngày 10/07/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam và chuyển thành Công ty cổ phần, giá trị khoản đầu tư tại CTCP Tôn mạ màu Việt Pháp (VIFA) đã được loại ra khỏi giá trị doanh nghiệp Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam – Công ty TNHH MTV. Tổng Công ty lắp máy Việt Nam – CTCO sẽ kế thừa toàn bộ quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông nhà nước tại VIFA cho đến khi VIFA hoàn thành việc phá sản theo quyết định của tòa án và ban giao khoản vốn đầu tư và nợ phải thu khó đòi của CTCP Lilama Hà Nội sang Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp (DATC)

Bảng 4 – Danh sách công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31/12/2016

TT	Tên công ty	Số ĐKKD, nơi cấp	Hoạt động chính	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty Cổ phần Lilama 45.3	ĐKKD số 4400135344 cấp tại Quảng Ngãi	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	35.000	40,83%
2	Công ty Cổ phần Lilama 45.4	ĐKKD số 3600255703 cấp tại Đồng Nai	Kinh doanh bất động sản	40.000	35,06%
3	CTCP bất động sản Lilama	ĐKKD số 0102345525 cấp tại Hà Nội	Tư vấn, thiết kế, giám sát thi công xây dựng	104.712	27,93%
4	CTCP lắp máy – thí nghiệm cơ điện	ĐKKD số 0100106458 cấp tại Hà Nội	Xây dựng công trình CN; Lắp ráp thiết bị máy móc cho các công trình	15.000	36,18%
5	Công ty TNHH tư vấn thiết kế CIMAS	ĐKKD số 0101137000 cấp tại Hà Nội	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật	67.974	33%
6	CTCP tư vấn thiết kế xây dựng và công nghệ Lilama	ĐKKD số 0104104758 cấp tại Hà Nội	Hoạt động tư vấn thiết kế, xây dựng công trình	4.400	45,45%

Nguồn: Lilama

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty

LILAMA hiện nay đang hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực chính như: Tổng thầu EPC, Nhà thầu xây lắp, Cơ khí chế tạo, Sản xuất sản phẩm công nghiệp, tư vấn thiết kế quản lý dự

án. Ngoài ra còn có các ngành nghề khác như kinh doanh thương mại cho thuê máy móc thiết bị, hoạt động xuất nhập khẩu, xuất khẩu lao động, kinh doanh phát triển nhà và đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp,...

❖ **Tổng thầu EPC, nhà thầu xây lắp:** Lĩnh vực này chiếm trên 80% cơ cấu sản lượng và doanh thu toàn Tổng công ty. Từ năm 2000, Lilama đã được nhà nước tin tưởng giao làm Tổng thầu EPC, hiện nay, LILAMA là nhà thầu EPC số 1 của Việt Nam, đã có uy tín và kinh nghiệm trong việc thực hiện các dự án với vai trò tổng thầu EPC, đặc biệt là các dự án nhiệt điện, lọc dầu, xi măng như: Dự án nhiệt điện Vũng Áng 1, Uông Bí mở rộng 1, Cà Mau 1 & 2, Nhơn Trạch 1& 2, Xi măng Sông Thao, và nhà thầu xây lắp các nhà máy lọc dầu Dung Quất, Nghi Sơn...

LILAMA cũng là nhà thầu lắp máy uy tín nhất Việt Nam, với kinh nghiệm hơn 50 năm, LILAMA đã lắp đặt thành công các thiết bị phức tạp, có yêu cầu kỹ thuật cao như: Tua bin, máy phát của các nhà máy nhiệt điện công suất từ 100 – 600 MW, nhà máy thủy điện đến 400 MW, máy kéo của các nhà máy giấy, lò nung Clinker trong các nhà máy xi măng. LILAMA có đủ các phương tiện kiểm tra, căn chỉnh tiên tiến, áp dụng các tiêu chuẩn lắp đặt Quốc tế tại tất cả các công trình như tiêu chuẩn ANSI (Mỹ), Tiêu chuẩn Quốc tế IEC ...

LILAMA là nhà thầu xây dựng có nhiều kinh nghiệm, với đội ngũ thợ xây cách nhiệt, bảo ôn thiết bị, LILAMA đã thực hiện xây dựng toàn bộ tháp trao đổi nhiệt, lò nung trong các nhà máy xi măng lớn, lò hơi của các nhà máy nhiệt điện.

❖ **Lĩnh vực cơ khí chế tạo:** Cùng với nghề lắp máy truyền thống, từ năm 1995, LILAMA đã mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh sang lĩnh vực chế tạo thiết bị và kết cấu thép cho các nhà máy, công trình công nghiệp. LILAMA đã đầu tư xây dựng nhiều nhà máy cơ khí chế tạo ở 3 miền đất nước với thiết bị, máy móc hiện đại, công suất 211.000 tấn sản phẩm/năm, chủ yếu là chế tạo đến 75% các thiết bị cho các dự án nhiệt điện, thủy điện, xi măng, đóng tàu, dầu khí,... mà LILAMA và các Công ty con tham gia thi công trong vai trò tổng thầu EPC. Ngoài ra LILAMA chế tạo và cung cấp nhiều thiết bị đơn lẻ, thiết bị thay thế, thiết bị phi tiêu chuẩn, kết cấu thép cho các nhà máy công nghiệp và dân dụng, các đơn hàng phục vụ xuất khẩu sản phẩm cơ khí, đóng tàu xuất khẩu. LILAMA có thể chế tạo các loại bồn bể chứa xăng dầu, hóa chất, thực phẩm có dung tích lớn đến 65.000 m³ chịu áp lực cao, các chân đế giàn khoan dầu khí trên biển, thiết bị các nhà máy đường, các cột điện thép đường dây 500 KV, đặc biệt là các cột vượt sông cao 80 – 150m.

❖ **Lĩnh vực kinh doanh khác**

– **Hoạt động tư vấn, thiết kế, quản lý dự án:** LILAMA đã xây dựng lĩnh vực Tư vấn thiết kế, quản lý dự án với quy mô và năng lực đảm bảo có thể tham gia hỗ trợ thực hiện các dự án do LILAMA đầu tư hoặc làm tổng thầu EPC, nhà thầu xây lắp. Giá trị lĩnh vực này bao gồm giá trị phần "E" của các gói thầu EPC, giá trị sản lượng tư vấn của các công ty thành viên và tiếp nhận chuyển giao công nghệ, nghiên cứu khoa học, đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật cao. Đây là lĩnh vực kinh doanh chiếm tỷ trọng không lớn nhưng có tỷ lệ lợi nhuận cận

biên cao cũng như tăng khả năng tiếp cận thị trường công việc và khả năng cạnh tranh trong đấu thầu.

- **Hoạt động xuất nhập khẩu và kinh doanh khác:** Bao gồm các hoạt động cho thuê văn phòng, máy móc thiết bị thi công; Kinh doanh phát triển nhà và đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, xuất nhập khẩu tổng hợp;...

6.2. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Bảng 5 - Cơ cấu doanh thu thuần qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nghịệp vụ	Năm 2015		Giai đoạn 06/04/2016 – 31/12/2016	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Xây lắp, chế tạo thiết bị	7.934.502	93,80%	9.366.373	96,88%
2	Bán hàng hóa	341.555	4,04%	143.135	1,48%
3	Cung cấp dịch vụ	167.990	1,99%	143.921	1,49%
4	Kinh doanh bất động sản	15.349	0,18%	9.832	0,10%
5	Hoạt động khác	0	0,00%	4.736	0,05%
	Tổng	8.459.396	100%	9.667.997	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất giai đoạn 06/04/2016 – 31/12/2016

Bảng 6 - Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nghịệp vụ	Năm 2015		Giai đoạn 06/04/2016 – 31/12/2016	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Xây lắp, chế tạo thiết bị	852.708	88,51%	780.476	90,26%
2	Bán hàng hóa	55.159	5,73%	17.966	2,08%
3	Cung cấp dịch vụ	48.837	5,07%	64.296	7,44%



4	Kinh doanh bất động sản	6.699	0,70%	1.582	0,18%
5	Hoạt động khác	0	0,00%	353	0,04%
	Tổng	963.403	100%	864.673	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất giai đoạn 06/04/2016 – 31/12/2016

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất

Bảng 7 – Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	01/7/2014-05/4/2016 (Công ty TNHH)	06/4/2016-31/12/2016 (Công ty cổ phần)
Tổng giá trị tài sản	10.381.878	11.331.214
Vốn chủ sở hữu	797.272	887.228
Doanh thu thuần	8.379.382	6.206.887
Lợi nhuận từ hoạt động KD	29.290	88.956
Lợi nhuận khác	12.030	1.368
Lợi nhuận trước thuế	41.320	90.324
Lợi nhuận sau thuế	38.494	89.956
Giá trị sổ sách/Cổ phiếu	-	11.128

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán giai đoạn 01/7/2014-05/4/2016 và giai đoạn 06/04/2016 – 31/12/2016

Ghi chú: Tổng công ty chuyển thành CTCP từ 06/04/2016. Công ty lập BCTC riêng giai đoạn từ 01/7/2014-05/4/2016 cho mục đích phục vụ công tác bàn giao vốn Nhà nước khi chuyển đổi từ doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

*** Vấn đề cần nhấn mạnh của kiểm toán đối với Báo cáo tài chính riêng giai đoạn 06/04/2016 – 31/12/2016:**

“Chúng tôi lưu ý người đọc đến một số vấn đề sau:

- *Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập cho kỳ hoạt động từ 06/04/2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31/12/2016. Tổng Công ty đã sử dụng báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam – Công ty TNHH MTV (đơn vị cổ phần hóa) để trình bày trên cột số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh*

doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng cho mục đích cung cấp thông tin và không so sánh được do không đồng nhất kỳ kế toán. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam – Công ty TNHH MTV đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác và được điều chỉnh theo Thông báo kết quả kiểm toán số 151/TB-KTNN ngày 20/01/2017 của Kiểm toán nhà nước. Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam – Công ty TNHH MTV cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2014 đến ngày 06/04/2016 cho mục đích cung cấp thông tin tài chính để chuyển đổi thành công ty cổ phần.

- Như trình bày tại Thuyết minh số 07 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, đối với các khoản đầu tư được xem xét trích lập dự phòng theo báo cáo tài chính hợp nhất của bên nhận đầu tư, Tổng Công ty đã thực hiện loại trừ phần Lợi ích cổ đông không kiểm soát ra khỏi Vốn chủ sở hữu để làm cơ sở xác định số dự phòng cần trích lập do Tổng Công ty không đánh giá rằng phần Lợi ích cổ đông không kiểm soát không nằm trong lợi ích của công ty mẹ tại các công ty nhận vốn góp của Tổng Công ty.”
- Như trình bày tại Thuyết minh số 05 phần Thuyết minh tại báo cáo tài chính riêng, ngày 24/04/2017 Tổng Công ty đã phát hành báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ 06/04/2016 đến 31/12/2016. Tuy nhiên, căn cứ theo Biên bản kiểm tra thuế của Cục thuế Tp. Hà Nội ngày 15/05/2017, một số chỉ tiêu trên BCTC riêng có sự thay đổi so với BCTC riêng đã phát hành. Ban Tổng Giám đốc đánh giá đây là sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần điều chỉnh và quyết định phát hành lại BCTC riêng của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc phát hành lại BCTC riêng sẽ phản ánh phù hợp hơn tình hình tài chính tại ngày 31/12/2016 cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ 06/04/2016 đến 31/12/2016. Chúng tôi đã thực hiện bổ sung thêm một số thủ tục kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán về BCTC riêng đã được điều chỉnh cho các sự kiện nêu trên cho kỳ hoạt động từ 06/04/2016 đến 31/12/2016.

Các thủ tục kiểm toán bổ sung của chúng tôi đối với các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán chỉ giới hạn cho các thay đổi của BCTC riêng như đã trình bày tại Thuyết minh số 05 phần Thuyết minh tại BCTC riêng.

Ý kiểm kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này”

Bảng 8 - Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015 Công ty TNHH MTV	Từ 06/4/2016-31/12/2016 Công ty cổ phần
Tổng giá trị tài sản ^(*)	16.895.320	17.987.656
Vốn chủ sở hữu ^(**)	1.680.119	1.866.784
Doanh thu thuần	8.459.396	9.667.997
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	197.507	207.824



Lợi nhuận khác	82.461	29.507
Lợi nhuận trước thuế	279.969	237.331
Lợi nhuận sau thuế Trong đó:	239.863	204.108
<i>Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ</i>	178.343	167.665
<i>Lợi ích cổ đông thiểu số</i>	61.521	36.443
Giá trị sổ sách/Cổ phiếu	-	14.995

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất giai đoạn 06/04/2016 – 31/12/2016

Lưu ý:

(): Tổng tài sản tại ngày 06/04/2016 – thời điểm chuyển thành công ty cổ phần*

*(**): Vốn chủ sở hữu tại ngày 06/04/2016 – thời điểm chuyển thành công ty cổ phần*

Nguyên nhân Tổng công ty không lập BCTC hợp nhất giai đoạn từ 01/1/2016-05/4/2016: Tổng công ty chính thức cổ phần hóa từ ngày 06/04/2016, tuy nhiên việc cổ phần hóa này không làm thay đổi hình thức sở hữu và hoạt động của các công ty con và công ty liên kết, do đó Tổng công ty không có số liệu của các công ty con, công ty liên kết tại ngày 05/04/2016 (ngày giữa niên độ kế toán) để tiến hành lập BCTC hợp nhất cho giai đoạn 01/01/2016 – 05/04/2016

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

“Nhu trình bày tại Thuyết minh số 2 - Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất - phần thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 06 tháng 4 năm 2016 (ngày Công ty mẹ Tổng Công ty chính thức chuyển từ doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 trên cơ sở số liệu từ ngày 06 tháng 4 năm 2016 (đối với Công ty mẹ) và từ ngày 01 tháng 4 năm 2016 (đối với các công ty con) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 do các công ty con không lập báo cáo tài chính cùng kỳ với kỳ hoạt động đầu tiên dưới hình thức công ty cổ phần của Công ty mẹ. Theo đó, số liệu trình bày trên cột đầu kỳ của Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu được tổng hợp từ Bảng cân đối kế toán riêng của Tổng Công ty tại ngày 06 tháng 4 năm 2016 và Bảng cân đối kế toán của các công ty con tại ngày 31 tháng 3 năm 2016. Do việc không đồng nhất thời điểm báo cáo giữa công ty mẹ và các công ty con nêu trên, cùng với việc chúng tôi không thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, nên chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu đầu kỳ của Bảng cân đối kế toán hợp nhất hay không.”

Vấn đề cần nhấn mạnh

“Chúng tôi lưu ý người đọc đến một số vấn đề sau:

- *Nhu trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 06 tháng 4 năm 2016 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016. Tổng Công ty đã sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam – Công ty TNHH MTV (đơn vị cổ phần hóa) để trình bày trên cột*

số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng cho mục đích cung cấp thông tin và không so sánh được do không đồng nhất kỳ kế toán. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam – Công ty TNHH MTV đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác và được điều chỉnh theo Thông báo kết quả kiểm toán số 29/TB-KTNN ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Kiểm toán nhà nước.

- Như trình bày tại Thuyết minh số 05 phần Thuyết minh tại báo cáo tài chính hợp nhất, ngày 24/04/2017 Tổng Công ty đã phát hành báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ 06/04/2016 đến 31/12/2016. Tuy nhiên, căn cứ theo Biên bản kiểm tra thuế của Cục thuế Tp. Hà Nội ngày 15/05/2017, một số chỉ tiêu trên BCTC riêng của Công ty mẹ có sự thay đổi so với BCTC riêng của Công ty mẹ đã phát hành ngày 24/04/2017 và theo đó ảnh hưởng tới BCTC hợp nhất đã phát hành. Ban Tổng Giám đốc đánh giá đây là sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần điều chỉnh và quyết định phát hành lại BCTC riêng của Công ty mẹ và BCTC hợp nhất của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc phát hành lại BCTC hợp nhất sẽ phản ánh phù hợp hơn tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2016 cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ 06/04/2016 đến 31/12/2016. Chúng tôi đã thực hiện bổ sung thêm một số thủ tục kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán về BCTC hợp nhất đã được điều chỉnh cho các sự kiện nêu trên cho kỳ hoạt động từ 06/04/2016 đến 31/12/2016.

Các thủ tục kiểm toán bổ sung của chúng tôi đối với các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán chỉ giới hạn cho các thay đổi của BCTC hợp nhất như đã trình bày tại Thuyết minh số 05 phần Thuyết minh tại BCTC hợp nhất.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.”

8. Vị thế của Tổng Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Tổng Công ty trong ngành

Hiện tại, LILAMA là doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam trong vai trò là Tổng thầu EPC, nhà thầu xây lắp, chế tạo cơ khí. LILAMA đã thực hiện trọn gói các công việc thiết kế, mua sắm, cung cấp, lắp đặt, chạy thử và bàn giao thành công nhiều dự án lớn cho các khách hàng.

Tuy nhiên, LILAMA sẽ phải đối diện với các thách thức trong quá trình củng cố và phát triển vị thế trong ngành, do sẽ phải cạnh tranh khốc liệt với:

- Các nhà thầu nước ngoài rất mạnh trong thị trường các dự án EPC;
- Các nhà thầu trong nước tiềm năng trong thị trường các dự án xây lắp có quy mô nhỏ, không đòi hỏi cao về kỹ thuật;
- Các nhà thầu nước ngoài có tiềm lực tài chính mạnh trong phân khúc sản phẩm chế tạo có hàm lượng kỹ thuật và giá trị gia tăng cao; các nhà thầu trong nước trong phân khúc các sản phẩm cơ khí chế tạo đơn giản có giá trị gia tăng thấp.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

❖ Tổng thầu EPC, xây lắp:

Thị trường EPC Việt Nam tương đối hấp dẫn do thị trường xây dựng được dự báo sẽ tăng trưởng khoảng 7%/năm từ nay đến 2020, đạt tổng vốn đầu tư tích lũy 340 tỷ USD, trong đó đầu tư vào lĩnh vực điện, hạ tầng giao thông và công nghiệp chế biến/chế tạo đạt 180 tỷ USD (chiếm hơn 50%).

Trong xu thế hội nhập hiện nay, nhu cầu tìm kiếm các đối tác thực hiện dự án của các nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư vào Việt Nam sẽ tăng lên. Đây là cơ hội cho các nhà thầu có năng lực kinh nghiệm có thể tham gia thực hiện dự án. Bên cạnh đó, do tỷ suất lợi nhuận tỷ lệ thuận với mức độ phức tạp của vai trò trong chuỗi giá trị nên nếu làm Tổng thầu EPC có thể đạt tỷ suất lợi nhuận cao hơn công ty xây lắp thuần túy.

❖ Cơ khí chế tạo:

Thị trường Cơ khí chế tạo Việt Nam được dự báo sẽ tăng trưởng mạnh với tốc độ ổn định, xấp xỉ 8,5%/năm từ nay đến 2020, trong đó phân khúc cơ khí xây dựng, máy động lực và cơ khí đóng tàu có khả năng đem lại lợi nhuận cận biên cao hơn và tăng trưởng nhanh hơn:

- Cơ khí xây dựng: Tốc độ tăng trưởng 9,3%; Lợi nhuận cận biên 4,8%.
- Máy động lực: Tốc độ tăng trưởng 9,3%; Lợi nhuận cận biên 4,7%.
- Cơ khí đóng tàu: Tốc độ tăng trưởng 11,6%; Lợi nhuận cận biên 6,5%.

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổng Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

Trong quá trình hoạt động của mình, LILAMA luôn chú trọng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh gắn với mục tiêu và định hướng của ngành xây lắp trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Sau cổ phần hóa, TCT vẫn tiếp tục kiên trì các mục tiêu hoạt động gồm:

- Tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được nhằm tận dụng và phát huy tối đa giá trị thương hiệu LILAMA, củng cố, tích tụ lực lượng sản xuất để tạo ra sự thay đổi về chất về quy mô trong toàn Tổng công ty, nâng cao năng lực chế tạo thiết bị, mở rộng thị trường xuất khẩu thiết bị, tăng thị phần dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng và chế tạo thiết bị thay thế cho các nhà máy công nghiệp, tạo ra sức cạnh tranh lớn trên thị trường trong và ngoài nước, khẳng định LILAMA là thương hiệu hàng đầu của Việt Nam trong vai trò tổng thầu EPC, chế tạo dây chuyền thiết bị đồng bộ của các dự án công nghiệp để tiến tới tham gia vào chuỗi sản phẩm liên kết toàn cầu của các công ty đa quốc gia và nhận thầu thi công xây lắp tại nước ngoài
- Duy trì và phát triển mạnh thị phần lĩnh vực hoạt động tổng thầu EPC, nhà thầu xây lắp, nâng cao khả năng chế tạo thiết bị đến 85% về khối lượng và đến 70% về giá trị các nhà máy xi măng, 60% khối lượng và 40% giá trị nhà máy điện góp phần giảm nhập khẩu thiết bị từ nước ngoài, tiết kiệm ngoại tệ cho đất nước. Tăng cường năng lực về thiết kế, tư vấn, giám sát và quản lý dự án, mua công nghệ gốc, phát triển các công ty Tư vấn hiện có theo hướng chuyên môn hóa sâu và tăng dần tỷ trọng trong nước thực hiện để từng bước nâng cao năng lực tổng

thầu EPC.

- Đẩy mạnh công tác xuất nhập khẩu, mở rộng đối tác, thị trường, lĩnh vực chế tạo thiết bị cho các nhà máy điện, xi măng, công nghiệp; tăng tỷ trọng doanh thu chế tạo xuất khẩu đến 60% tổng doanh thu chế tạo thiết bị để tham gia vào chuỗi sản phẩm liên kết toàn cầu và thi công các công trình tại nước ngoài.
- Với mô hình Công ty cổ phần, LILAMA sẽ huy động được các nguồn lực trong xã hội cả về vốn lẫn nhân lực của mọi tổ chức kinh tế, cá nhân trong và ngoài nước. Các pháp nhân, cá nhân tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh của LILAMA sẽ giúp LILAMA đổi mới và phát triển, tạo việc làm cho người lao động, tăng nguồn thu cho ngân sách; thay đổi phương thức quản lý doanh nghiệp, tạo động lực phát triển, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh.

Như vậy, định hướng phát triển của LILAMA hoàn toàn phù hợp với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Tình hình lao động

Số lượng lao động có tên trong danh sách lao động của Công ty mẹ - Tổng công ty tại ngày 31/03/2017 là 710 người. Cơ cấu lao động như sau:

Bảng 9 - Cơ cấu lao động của Công ty mẹ - Tổng công ty

STT	Trình độ	Số người	Tỷ lệ
I	Phân theo trình độ	710	100,0%
1	Đại học và trên đại học	510	71,8%
2	Cao đẳng, trung cấp	39	5,4%
3	Sơ cấp, Công nhân kỹ thuật	127	17,9%
4	Lao động khác	34	4,9%
II	Phân theo thời hạn hợp đồng	710	100,0%
1	Viên chức quản lý doanh nghiệp (không thuộc diện ký Hợp đồng lao động)	10	1,4%
2	Lao động không xác định thời hạn	392	55,2%
3	Lao động hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	259	36,5%
4	Khác	49	6,9%

Nguồn: LILAMA

9.2. Chính sách đối với người lao động

a) Chế độ làm việc

Lilama có một môi trường làm việc nghiêm túc, cởi mở và hợp tác. Tăng cường khả năng nghề nghiệp và phát triển năng lực công hiến cá nhân của nhân viên.

Chế độ làm việc dựa trên cơ sở của Bộ luật lao động.

Các công cụ dụng cụ làm việc (như máy tính, mạng internet, văn phòng phẩm, máy fax, điện thoại cố định, bàn ghế,...) được trang bị đầy đủ theo cầu công việc cũng như được hỗ trợ về kỹ thuật hiện đại.

Các bộ phận sản xuất kinh doanh được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động (như quần áo, găng tay, mũ, thắt lưng bảo hiểm,...). Công nhân làm việc theo ca, có thể làm thêm giờ, nhưng không vượt quá quy định so với luật hiện hành.

b) Chính sách tuyển dụng, thu hút lao động và đào tạo lao động

Lilama hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp công nghiệp, là đơn vị hàng đầu về tổng thầu EPC, cơ khí chế tạo, cơ khí lắp máy, tư vấn thiết kế ... do vậy Lilama luôn chú trọng tuyển dụng những kỹ sư có trình độ để đáp ứng nhu cầu cho công việc của Tổng công ty từ các trường Đại học như: Bách Khoa Hà Nội, Xây dựng, Công nghiệp Thái Nguyên, Bách Khoa Đà Nẵng

Công tác tuyển dụng của Lilama được thực hiện thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như đăng thông báo tuyển dụng trên báo chí, tại các trường đại học và qua website của Tổng Công ty.

Lao động sau khi được tuyển dụng vào Tổng công ty được tiếp tục đào tạo, huấn luyện bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và các kỹ năng theo chương trình về các chuyên đề: Quản lý dự án, quản lý thi công lắp đặt, quản lý chất lượng, giám sát chế tạo, quản lý vật tư, an toàn lao động, tiếng Anh ...

c) Thời gian làm việc và chính sách lương

Lilama tuyệt đối tuân thủ các quy định của Luật lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành về thời gian làm việc (bao gồm cả làm thêm giờ) cũng như thời gian nghỉ ngơi của người lao động. Người lao động được tham gia bảo hiểm xã hội đầy đủ, hưởng lương cùng các chế độ phúc lợi khác theo quy định và theo tình hình thực tế của Tổng Công ty.

Bảng 10 - Mức thu nhập bình quân của người lao động Tổng công ty

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1	Tổng quỹ lương (đồng)	95.878.000.000	150.447.000.000	166.478.450.000
2	Tổng số lao động (người)	706	749	803
3	Thu nhập BQ (đồng/người/tháng)	11.317.000	16.738.670	17.276.720

Nguồn: LILAMA

10. Chính sách cổ tức

HDQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình ĐHCĐ. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Tổng Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành. LILAMA cũng xét tới kế hoạch và định hướng, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức hợp lý.

Chính sách cổ tức của Tổng Công ty được xây dựng kể từ năm 2016, sau khi Tổng Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, trong đó năm 2016 Tổng công ty quyết định trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 3% (tiền dự kiến được trả trong Quý 4/2017).

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Tổng Công ty tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

a) Trích khấu hao Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Tài sản cố định của Tổng Công ty được khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Thời gian các loại tài sản cố định của Tổng công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc : 05 – 35 năm
- Máy móc thiết bị : 03 – 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn : 03 - 20 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý : 03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác : 03 - 10 năm
- Phần mềm máy tính : 03 – 05 năm
- Quyền sử dụng đất : lâu dài không tính khấu hao

Ngoài tài sản cố định đang sở hữu, Tổng công ty cũng đang có một số Tài sản cố định thuê tài chính với chi tiết khấu hao như sau:

- Phương tiện vận tải : 08 năm
- Máy móc thiết bị : 03 - 15 năm

b) Số dư các loại thuế phải nộp theo luật định

Bảng 11 – Số dư các khoản phải nộp của Tổng Công ty

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	06/04/2016	31/12/2016
Thuế GTGT	97.258.511.319	144.902.150.781
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.064.900.246	24.434.450.629
Thuế thu nhập cá nhân	9.033.092.784	20.889.906.140
Thuế Tài nguyên	105.780.605	632.763.671
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3.652.421.450	1.609.674.662
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	6.343.374.580	1.543.819.695
Phí, lệ phí và các khoản khác	11.002.203.610	14.467.685.406
Tổng cộng	155.460.284.594	208.480.450.984

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất giai đoạn 06/04/2016 – 31/12/2016

c) Tình hình công nợ hiện nay

Bảng 12 - Các khoản phải thu

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	06/04/2016	31/12/2016
<u>Phải thu ngắn hạn</u>	<u>7.508.895.762.125</u>	<u>8.615.521.374.593</u>
Phải thu khách hàng	2.761.570.693.833	3.610.882.454.494
Trả trước cho người bán	4.072.725.012.060	3.966.414.491.120
Phải thu theo tiến độ HĐ xây dựng	78.236.495.533	171.041.592
Phải thu cho vay ngắn hạn	41.237.728.595	40.962.247.175
Phải thu khác	638.850.597.681	1.201.688.517.575
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(83.959.947.395)	(204.597.377.363)
Tài sản thiếu chờ xử lý	235.181.818	
<u>Phải thu dài hạn</u>	<u>30.132.012.793</u>	<u>38.177.489.534</u>
Phải thu dài hạn khác	30.132.012.793	38.177.489.534
Tổng cộng	7.539.027.774.918	8.653.698.864.127

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất giai đoạn 06/04/2016 – 31/12/2016

Bảng 13 - Các khoản phải trả

Đơn vị: triệu đồng



KHOẢN MỤC	06/04/2016	31/12/2016
<u>Tổng nợ ngắn hạn</u>	<u>13.347.628.191.128</u>	<u>14.390.272.951.394</u>
Phải trả người bán	2.380.904.132.997	2.442.167.322.819
Người mua trả tiền trước	5.422.299.802.149	4.760.537.998.909
Thuế và các khoản phải nộp NN	155.460.284.594	208.480.450.984
Phải trả người lao động	245.306.585.001	429.937.859.713
Chi phí phải trả	631.322.554.973	651.621.105.361
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	30.227.979.424	12.681.063.340
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	470.672.673.255	525.563.518.828
Vay & nợ thuê tài chính ngắn hạn	3.918.263.497.299	5.302.150.922.427
Dự phòng phải trả ngắn hạn	59.578.303.343	18.863.812.053
Quỹ khen thưởng phúc lợi	33.592.378.093	38.268.896.960
<u>Tổng nợ dài hạn</u>	<u>1.866.785.818.502</u>	<u>1.723.278.288.489</u>
Phải trả dài hạn người bán	51.643.281.565	57.528.086.687
Người mua trả tiền trước	220.273.490.220	354.825.698.730
Chi phí phải trả dài hạn	3.348.777.312	2.859.986.514
Phải trả dài hạn khác	6.438.901.515	6.178.683.061
Vay và nợ dài hạn	1.495.024.503.436	1.195.027.065.201
Dự phòng phải trả dài hạn	5.982.823.277	1.898.125.840
Doanh thu chưa thực hiện	84.074.041.177	96.955.129.189
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	8.005.513.267
Tổng cộng	15.214.414.009.630	16.113.551.239.883

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất giai đoạn 06/04/2016 – 31/12/2016

d) Đầu tư tài chính dài hạn và trích lập dự phòng

Bảng 14 a– Các khoản đầu tư tài chính của công ty mẹ

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	06/04/2016	31/12/2016
Đầu tư ngắn hạn	5.000.000.00	142.050.921.800

Chỉ tiêu	06/04/2016	31/12/2016
Chứng khoán kinh doanh	-	42.775.718.400
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.000.000.000	109.000.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	(9.724.796.600)
Đầu tư dài hạn	1.011.230.498.394	872.309.863.886
Đầu tư vào công ty con	697.648.585.069	676.067.569.062
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	108.395.478.940	70.276.291.876
Đầu tư vào công ty khác	205.186.434.385	162.410.715.985
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	(36.444.713.037)
Tổng cộng	1.016.230.498.394	1.014.360.785.686

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng giai đoạn 06/04/2016 – 31/12/2016

Bảng 15 b - Các khoản đầu tư tài chính của Tổng công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	06/04/2016	31/12/2016
Đầu tư ngắn hạn	114.062.128.152	334.726.383.285
Chứng khoán kinh doanh	-	42.775.718.400
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	114.062.128.152	301.675.461.485
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(9.724.796.600)
Đầu tư dài hạn	437.900.782.406	334.022.106.475
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	20.000.000	20.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết, trong đó:	137.946.861.522	107.387.046.836
<i>Giá gốc</i>	<i>108.395.478.940</i>	<i>70.276.291.876</i>
<i>Lãi lũy kế phát sinh</i>	<i>29.551.382.582</i>	<i>37.110.754.960</i>
Đầu tư vào công ty khác	307.049.059.385	261.549.742.925
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(7.115.138.501)	(34.934.683.286)
Tổng cộng	551.962.910.558	668.748.489.760

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất giai đoạn 06/04/2016 – 31/12/2016

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 16 – Một số chỉ tiêu tài chính của Tổng Công ty (hợp nhất)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015 (*)	06/4/2016-31/12/2016
<u>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</u>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,05	1,06
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,83	0,82
<u>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</u>			
Nợ/Tổng tài sản	%	89,88	89,58
Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	8,88	8,63
<u>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</u>			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	2,17	2,62
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,55	0,55
<u>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</u>			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,84	2,11
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	16,70	14,95
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,57	1,17
Lợi nhuận SXKD/Doanh thu thuần	%	2,33	2,15

Nguồn: tính toán từ BCTC kiểm toán hợp nhất giai đoạn 06/04/2016 – 31/12/2016

() tính toán dựa theo số liệu kết quả kinh doanh năm 2015 được điều chỉnh theo BCTC hợp nhất kiểm toán giai đoạn 06/04/2016 – 31/12/2016 và số liệu bảng cân đối kế toán thể hiện trên BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015.*

Bảng 17 – Một số chỉ tiêu tài chính của Tổng Công ty (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	01/7/2014-05/4/2016	06/4/2016-31/12/2016
<u>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</u>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,05	1,05
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,02	1,01
<u>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</u>			
Nợ/Tổng tài sản	%	92,32	92,14

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	01/7/2014- 05/4/2016	06/4/2016- 31/12/2016
Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	12,02	11,77
<u>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</u>			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	15,96	16,22
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,03	0,57
<u>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</u>			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,46	1,45
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	4,88	10,68
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,47	0,83
Lợi nhuận SXKD/Doanh thu thuần	%	0,35	1,43

Nguồn: tính toán từ BCTC kiểm toán riêng giai đoạn 01/7/2014-05/4/2016 và giai đoạn 06/04/2016 – 31/12/2016

12. Tài sản

Bảng 18a - Giá trị tài sản cố định của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2016.

Đơn vị giá trị: đồng

TT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
I	Tài sản cố định hữu hình	3.311.394.840.818	1.463.055.296.176	44,18%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	1.302.773.247.003	885.805.414.776	67,99%
2	Máy móc, thiết bị	1.106.365.605.391	354.811.907.204	32,07%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	818.988.335.158	209.388.187.807	25,57%
4	Thiết bị, DCQL	29.723.300.492	4.604.640.045	15,49%
5	TSCĐ hữu hình khác	53.544.352.774	8.445.146.344	15,77%
II	Tài sản cố định thuê tài chính	307.609.597.804	251.376.908.039	81,72%
1	Máy móc, thiết bị	172.398.682.645	137.440.601.787	79,72%
2	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	135.210.915.159	113.936.306.252	84,27%

III	Tài sản cố định vô hình	34.438.738.758	30.139.686.142	87,52%
1	Giá trị quyền sử dụng đất	28.543.716.307	27.585.517.614	96,64%
2	Phần mềm máy tính	5.715.640.604	2.554.168.528	44,69%
3	Tài sản cố định vô hình khác	179.381.847	-	0,00%
	Tổng cộng	3.653.443.177.380	1.744.571.890.357	47,75%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất giai đoạn 06/04/2016 – 31/12/2016

Bảng 19b- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chỉ tiêu	06/04/2016	31/12/2016
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	129.055.765.550	145.429.665.818
- Dự án nhà máy thủy điện Sardeung	39.097.009.103	39.097.009.103
- Dự án Nhà hỗ hợp cao tầng ở và làm việc tại quận 9, TP. HCM	35.442.530.135	35.442.530.135
- Đầu tư xây dựng mở rộng nhà máy chế tạo kết cấu thép và thiết bị cơ khí	4.157.746.496	21.075.099.235
- Các công trình khác	50.358.479.816	49.815.027.345

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất giai đoạn 06/04/2016 – 31/12/2016

Bảng 20 – Tình hình sử dụng đất đai

TT	Diễn giải	Diện tích sử dụng (m ²)	Công trình trên đất	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng
1	Khu đất tại số 124 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	6.505,0	Nhà văn phòng	Làm trụ sở văn phòng Tổng Công ty	Thuê đất trả tiền hàng năm
2	Lô 5, trục đường 33 m tại Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành Phố Đà Nẵng	9.023,3	Không có	Đất sản xuất, kinh doanh	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất
3	KCN Bắc Vinh, tại Xã Hưng Đông, TP Vinh,	530.331,2	Hạ tầng KCN	Cho các đơn vị thuê mặt bằng sản xuất	Thuê đất trả tiền hàng năm

	tỉnh Nghệ An			kinh doanh	
4	Khu đất tại Phường Phước Long B, Quận 9, TP Hồ Chí Minh	12.273,2		Đầu tư xây dựng nhà hỗn hợp cao tầng kết hợp văn phòng làm việc (19 tầng)	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất
5	Khu đất tại lô 9 – E6 Phạm Hùng, Hà Nội	8.157,0	Không có	Xây dựng trụ sở văn phòng (đã được cấp GCN đầu tư số 01121001012)	Thuê đất trả tiền một lần
	Tổng cộng	566.289,7			

Nguồn: Lilama

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2017

13.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2017

Dựa trên những thành quả mà Tổng Công ty đã đạt được trong năm 2016 và dự báo sự phát triển của thị trường, Ban lãnh đạo Tổng Công ty đã đặt ra kế hoạch kinh doanh trong giai đoạn 2016 - 2017 như sau:

Bảng 17 - Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận công ty mẹ và cổ tức năm 2017-2018

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017		Năm 2018 (**)	
		Giá trị	% tăng/ giảm so với năm 2016 (giai đoạn 06/04/2016 – 31/12/2016) (*)	Giá trị	% tăng/ giảm so với năm 2017
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	797,261	-		
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	9.500	-		
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	80	-		
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	0,84			
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	10,03			
Cổ tức	%	6			

Nguồn: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Lilama

(*) Không so sánh do kỳ so sánh không tương đồng

(**) Kế hoạch kinh doanh hàng năm được đại hội đồng cổ đông thông qua. Hiện tại Tổng công ty chưa xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2018.

13.2. Căn cứ xây dựng kế hoạch lợi nhuận, cổ tức.

Để thực hiện được các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017 đã đề ra, Tổng công ty đưa ra các nhóm giải pháp gồm:

a) Giải pháp về ngành nghề, thương hiệu và thị trường:

- Tập trung vào 02 ngành kinh doanh chính mà LILAMA có tiềm năng tăng trưởng, khả năng cạnh tranh cao: (1) EPC; (2) Cơ khí chế tạo.
- Chấm dứt đầu tư và thoái vốn khỏi các lĩnh vực sản xuất kinh doanh không cốt lõi.
- Tăng cường công tác quản lý chất lượng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với thông lệ quốc tế. Công ty mẹ và các công ty con xây dựng chính sách chất lượng hợp lý, hiệu quả nhằm củng cố và nâng cao uy tín trên thị trường, thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Không ngừng hoàn thiện, cải tiến nâng cao hệ thống quản lý chất lượng để thỏa mãn yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Công ty mẹ, các công ty con có chương trình toàn diện, đồng bộ để củng cố và phát triển thương hiệu. Đầu tư thỏa đáng về tài chính và nhân lực để thực hiện chương trình phát triển, quảng bá thương hiệu. Đây là giải pháp quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển thị trường.
- Đối với thị trường EPC: Ưu tiên khai thác các dự án điện, đặc biệt là các dự án có trong Danh mục các dự án nhiệt điện đưa vào vận hành giai đoạn 2013-2020, đồng thời tham gia một cách cân đối hơn vào các dự án công nghiệp chế biến/chế tạo. Mở rộng sang phần E và P để tăng tỷ suất lợi nhuận.
- Đối với thị trường cơ khí chế tạo: Mở rộng danh mục sản phẩm công nghệ hiện tại, trong đó chú trọng đến thiết bị phụ trợ cao cấp, đồng thời tham gia vào các hoạt động thiết kế và quản lý dự án. Xây dựng năng lực để tham gia vào chuỗi sản phẩm toàn cầu.

b) Giải pháp về ứng dụng tiên bộ kỹ thuật và công nghệ:

Thực hiện chiến lược đổi mới công nghệ, nâng cấp, bổ sung thiết bị tự động hóa; ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp; tăng cường đầu tư ứng dụng tiên bộ kỹ thuật để nâng cao năng suất chất lượng.

c) Giải pháp về tài chính, vốn

- Tái cơ cấu các khoản nợ: Cơ cấu mọi khoản nợ ngay khi có thể thông qua việc tìm kiếm để thay thế các khoản vay ngắn hạn, lãi suất cao bằng các khoản vay dài hạn, lãi suất thấp, qua đó cải thiện luồng tiền và khả năng trả nợ của LILAMA cũng như tạo thêm nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tái cơ cấu các khoản đầu tư: Chấm dứt tình trạng đầu tư dàn trải, thoái vốn tại các công ty hoạt động không hiệu quả, các công ty ngoài ngành nghề kinh doanh chính.
- Tăng vốn điều lệ và tỷ lệ sở hữu tại 04 công ty nòng cốt hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính: (CTCP LILAMA 10, CTCP LILAMA 18, CTCP LILAMA 69-1, CTCP LISEMCO)
- Hiện nay, LILAMA đang tham gia vào Chương trình “Cải cách DNNN và hỗ trợ quản trị công ty” do Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) và Bộ Tài chính tài trợ. Nếu được chấp nhận cho vay vốn, LILAMA dự kiến vay khoảng 80 triệu USD (chưa xác định lãi suất và kỳ hạn vay do

đang trong quá trình đàm phán), bao gồm vay OCR (Từ nguồn vốn thông thường của ADB) và vay ADF (Từ Quỹ phát triển châu Á của ADB) nhằm mục đích:

- + Tái cơ cấu các khoản nợ trung, dài hạn của Công ty mẹ và các công ty con nòng cốt;
- + Tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ tại các công ty con nòng cốt;
- + Hỗ trợ kỹ thuật nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp.
- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, sử dụng vốn linh hoạt, hiệu quả, tập trung và có cơ chế kiểm soát:
 - + Đối với các khoản nợ đọng: Đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ thông qua thành lập các tổ thu nợ chuyên trách. Tổ thu hồi công nợ có trách nhiệm phân loại nợ, lên kế hoạch và đưa ra các biện pháp thích hợp để thu hồi đối với từng khách hàng. Thực hiện trích lập dự phòng đầy đủ các khoản nợ phải thu khó đòi và xem xét phương án bán các khoản nợ tồn đọng, khó thu hồi để bảo toàn vốn Nhà nước.
 - + Đối với khoản nợ các công ty thành viên vay vốn: Tăng cường vai trò trách nhiệm và thông qua người đại diện phần vốn tại các công ty để đôn đốc thu hồi nợ. Thực hiện thu hồi các khoản nợ vay thông qua gán trừ vào các hợp đồng kinh tế mà các công ty ký với Tổng công ty.
- Tiến tới niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán để nâng cao tính minh bạch, tạo điều kiện thu hút các nguồn vốn và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

d) Giải pháp nâng cao năng suất lao động

- Kiện toàn lại cơ cấu tổ chức các tổ, đội sản xuất; đào tạo, đào tạo lại nhằm nâng cao trình độ quản lý cho tổ trưởng, đội trưởng; sắp xếp lại dây chuyền sản xuất, loại bỏ những khâu và công đoạn thừa, bất hợp lý.
- Bố trí công việc trong các tổ, đội một cách linh hoạt và thích ứng với yêu cầu thực tế, không để xảy ra sự ngưng trệ sản xuất với nhiều lý do buộc người lao động phải dừng việc như thiếu máy móc thiết bị, dụng cụ làm việc, thiếu vật tư,...
- Đầu tư mua sắm các trang thiết bị, dụng cụ thi công tiên tiến, hiện đại để tăng hiệu quả và năng suất lao động.
- Cải tiến cơ chế khoán trong sản xuất: Thực hiện công khai, trực tiếp cơ chế khoán đến với từng người lao động, để người lao động biết được mình sẽ nhận được bao nhiêu tiền lương sau khi kết thúc công việc. Việc giải quyết thỏa đáng những lợi ích thiết thực về mặt vật chất đến với người lao động trong khoán sản xuất là động lực quan trọng nhất để thúc đẩy và tăng năng suất lao động.

e) Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực:

Trong tương lai, Tổng công ty nỗ lực để đảm bảo đội ngũ lãnh đạo đủ về lượng và đảm bảo sự kế thừa, liên tục trong toàn Tổng công ty. Tổng công ty sẽ hỗ trợ các đơn vị thành viên về: Xây dựng đội ngũ lãnh đạo quản lý cấp cao và cấp trung; quản lý việc điều chuyển nhân sự nội bộ trong toàn Tổng công ty; Rà soát và bổ sung nguồn nhân lực cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc...; Đào tạo bổ sung và phát triển nguồn nhân lực có năng lực mới, sẵn sàng cho một cơ

cấu tổ chức mới trong tương lai.

Phát triển một trung tâm quản lý nguồn nhân lực nội bộ nhằm xác định nhân sự phù hợp nhất cho từng vị trí đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp là tìm kiếm những nhân sự có khả năng và triển vọng nhất cho các vị trí trong công ty đồng thời mỗi người cũng tìm kiếm được cơ hội phát triển tốt nhất cho bản thân.

Tổng công ty sẽ thực hiện đầu tư và phát triển nguồn nhân lực thông qua các hoạt động chính sau đây:

- Hoàn thiện cơ chế tuyển dụng, chế độ tiền lương, đãi ngộ và phúc lợi đối với người lao động:
 - + Xây dựng, chuẩn hóa công tác tuyển dụng, đào tạo nhân sự bằng việc hoàn thiện hệ thống các quy định, quy chế về tuyển dụng nhân sự. Trong đó, tập trung xây dựng tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá nguồn nhân lực thông qua các chỉ số kết quả công việc, đồng thời xây dựng chế độ tiền lương, đãi ngộ gắn với kết quả công việc để thu hút, duy trì và phát triển đội ngũ nhân sự tốt.
 - + Xây dựng và thực hiện một số chế độ chính sách đặc thù đối với lao động ngành lắp máy, những người thường xuyên phải lưu động theo các công trình, công việc không ổn định, thường xuyên công tác tại vùng sâu, vùng xa.
 - + Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, đảm bảo yếu tố công bằng, dân chủ, ổn định lâu dài, tạo điều kiện và phát huy tài năng, có cơ chế động viên kịp thời khuyến khích các nhân tố tích cực, đề cao văn hóa ứng xử thân thiện của người sử dụng lao động đối với người lao động.
- Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực:
 - + Xây dựng và thực hiện kế hoạch nhu cầu phát triển nguồn nhân lực theo cơ cấu và quy mô của ngành nghề kinh doanh chính phù hợp yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh (bao gồm cả về số lượng và chất lượng).
 - + Xây dựng và triển khai kế hoạch, chương trình đào tạo nâng cao trình độ nguồn nhân lực về kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý ở các cấp trong toàn Tổng công ty với nhiều hình thức để đáp ứng yêu cầu phát triển theo chiến lược của Tổng công ty.
 - + Tập trung đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ cho lực lượng kỹ sư, bồi dưỡng nâng cao tay nghề, ngoại ngữ lực lượng công nhân kỹ thuật các ngành nghề. Tăng tỷ lệ kỹ sư so với công nhân kỹ thuật từ mức 1/5 số lượng kỹ sư lên tỷ lệ 2/5.
 - + Xây dựng chiến lược về đào tạo nguồn nhân lực: hỗ trợ kinh phí để cử CBCNV đi học tập và công tác tại nước ngoài. Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực.
 - + Hỗ trợ kinh phí để cử CBCNV đi học tập và công tác tại nước ngoài để nắm bắt được những tri thức mới của thế giới. Ưu tiên đào tạo những ngành khoa học công nghệ mới để phục vụ cho ngành nghề chính của Lilama và các ngành về quản trị doanh nghiệp.
 - + Đổi mới, đột phá trong hợp tác, liên kết với tác tổ chức, tập đoàn nổi tiếng của thế giới là

bạn hàng, đối tác thân thiện của LILAMA như GE, Siemens, FLSmidth, Alstom ... trong việc đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao kỹ năng, trình độ quản trị doanh nghiệp của nguồn nhân lực.

- Lập quy hoạch về công tác bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, lãnh đạo:
 - + Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy định và hướng dẫn về điều kiện tiêu chuẩn về quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về bổ nhiệm cán bộ.
 - + Lựa chọn những cán bộ có năng lực, trình độ, kinh nghiệm, tâm huyết với LILAMA và hội đủ phẩm chất đạo đức để đào tạo, bồi dưỡng và giao những trọng trách quan trọng.
 - + Tăng cường đào tạo nâng cao trình độ cán bộ quản lý doanh nghiệp bằng cách cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở trong và ngoài nước để tiếp thu, lĩnh hội, cập nhật những tri thức mới trong quản trị doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.
 - + Thực hiện chính sách khuyến khích các tri thức trẻ phát huy mọi khả năng, sẵn sàng đề bạt họ vào những chức vụ lãnh đạo, quản lý nếu đủ điều kiện, trẻ hóa đội ngũ cán bộ lãnh đạo.

f) Giải pháp về quản trị rủi ro

- Xây dựng chính sách chung về quản trị rủi ro, tạo ra sự nhận thức đầy đủ cũng như trách nhiệm của lãnh đạo LILAMA và các bộ phận chuyên môn về rủi ro.
- Thiết lập sổ tay quy trình quản trị rủi ro theo từng lĩnh vực hoạt động; thiết lập các phương pháp nhận diện, đánh giá và giải pháp kiểm soát rủi ro cho các bộ phận chuyên môn.
- Xây dựng, ban hành, cập nhật sửa đổi bổ sung các quy chế quy định quản lý nội bộ, đảm bảo các hoạt động quản trị, điều hành cũng như tham mưu thừa hành nhiệm vụ phải công khai, minh bạch. Có sự phân công phân nhiệm rõ ràng trong lãnh đạo và các phòng ban trong hoạt động ngăn ngừa, kiểm soát rủi ro.
- Kiện toàn và đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ nhân viên nói chung và bộ phận trực tiếp kiểm soát rủi ro nói riêng, như Ban kiểm toán nội bộ, Phòng Pháp chế thẩm định ...
- Đổi mới và nghiêm túc thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ cũng như kiểm tra, kiểm soát đối với các công ty con theo quy định của Chính phủ.
- Nâng cao trình độ chuyên môn và vị thế của bộ phận quản lý an toàn tại các dự án, công trường.
- Thống kê rủi ro.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổng Công ty

Không có.

15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

Trên cơ sở những dự báo, nhận định tình hình mới, Tổng công ty xây dựng tầm nhìn, mục tiêu, định

hướng của Công ty cổ phần như sau:

❖ **Tầm nhìn chiến lược**

- Chuẩn hóa và củng cố mọi mặt trong hoạt động sản xuất kinh doanh để LILAMA trở thành nhà thầu xây lắp chuyên nghiệp tầm cỡ quốc tế, đầy đủ khả năng và sức mạnh để đảm trách vai trò tổng thầu EPC các dự án công nghiệp lớn trong nước, tiếp tục khẳng định thương hiệu LILAMA để vươn ra thị trường khu vực và quốc tế.
- Khẳng định vị trí đứng đầu Việt Nam về ngành công nghiệp cơ khí chế tạo, tăng cường hơn nữa uy tín và khả năng cạnh tranh, chuẩn hóa hệ thống quản lý chất lượng để đáp ứng và đủ điều kiện tham gia vào chuỗi sản phẩm liên kết toàn cầu, phấn đấu đến năm 2020 giá trị xuất khẩu sản phẩm cơ khí đạt 60% giá trị kinh doanh cơ khí chế tạo của LILAMA.

❖ **Mục tiêu tổng quát**

- Hoàn thiện các quy chế hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con. Công ty mẹ giữ vai trò hạt nhân về khoa học, công nghệ, thị trường, tài chính: Có đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý năng động, sáng tạo; đội ngũ kỹ sư, công nhân kỹ thuật lành nghề và văn hóa doanh nghiệp; có thị trường xây dựng, đầu tư và thương hiệu hấp dẫn để mở rộng SXKD; có đủ năng lực cạnh tranh trong nước và khu vực, có cơ cấu ngành nghề phù hợp với thế mạnh truyền thống của Tổng công ty để phát triển ổn định, vững chắc.
- Tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được nhằm tận dụng và phát huy tối đa giá trị thương hiệu LILAMA, củng cố, tích tụ lực lượng sản xuất để tạo ra sự thay đổi về chất về quy mô trong toàn Tổng công ty, nâng cao năng lực chế tạo thiết bị, mở rộng thị trường xuất khẩu thiết bị, tăng thị phần dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng và chế tạo thiết bị thay thế cho các nhà máy công nghiệp, tạo ra sức cạnh tranh lớn trên thị trường trong và ngoài nước, khẳng định LILAMA là thương hiệu hàng đầu của Việt Nam trong vai trò tổng thầu EPC, chế tạo dây chuyền thiết bị đồng bộ của các dự án công nghiệp để tiến tới tham gia vào chuỗi sản phẩm liên kết toàn cầu của các công ty đa quốc gia và nhận thầu thi công xây lắp tại nước ngoài.
- Xây dựng LILAMA trở thành một Tổng công ty mạnh, có quy mô lớn, có trình độ công nghệ, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa cao theo ngành nghề kinh doanh chính, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất kinh doanh với khoa học công nghệ, nghiên cứu phát triển; không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng LILAMA mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở thực hiện tái cơ cấu, sử dụng hợp lý các nguồn lực; Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.
- Phát triển tập trung vào theo các ngành nghề chính đã lựa chọn, LILAMA sẽ sắp xếp các đơn vị thành viên và phân công chuyên môn hoá, tập trung vào chuyên ngành phù hợp với

năng lực, sở trường, kinh nghiệm và xây dựng quy mô đủ lớn để tạo ra lợi thế cạnh tranh...

- Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi.

❖ **Mục tiêu cụ thể**

- Duy trì và phát triển mạnh thị phần lĩnh vực hoạt động tổng thầu EPC, nhà thầu xây lắp, nâng cao khả năng chế tạo thiết bị đến 85% về khối lượng và đến 70% về giá trị các nhà máy xi măng, 60% khối lượng và 40% giá trị nhà máy điện góp phần giảm nhập khẩu thiết bị từ nước ngoài, tiết kiệm ngoại tệ cho đất nước. Tăng cường năng lực về thiết kế, tư vấn, giám sát và quản lý dự án, mua công nghệ gốc, phát triển các công ty Tư vấn hiện có theo hướng chuyên môn hóa sâu và tăng dần tỷ trọng trong nước thực hiện để từng bước nâng cao năng lực tổng thầu EPC.
- Đẩy mạnh công tác xuất nhập khẩu, mở rộng đối tác, thị trường, lĩnh vực chế tạo thiết bị cho các nhà máy điện, xi măng, công nghiệp; tăng tỷ trọng doanh thu chế tạo xuất khẩu đến 60% tổng doanh thu chế tạo thiết bị để tham gia vào chuỗi sản phẩm liên kết toàn cầu và thi công các công trình tại nước ngoài.
- Thoái vốn khỏi một số công ty hoạt động kém hiệu quả, thua lỗ và các công ty không thuộc các ngành kinh doanh chính, dùng số tiền thu được để tái đầu tư vào các ngành kinh doanh chính.
- Rà soát lại toàn bộ kế hoạch đầu tư các dự án của Công ty mẹ và các Công ty con với chủ trương không đầu tư dàn trải, tập trung nguồn lực tài chính để đầu tư các dự án sắp hoàn thành để đưa vào khai thác sử dụng, chỉ triển khai mới khi đủ các điều kiện đảm bảo thủ tục đầu tư, nguồn vốn và có khả năng thu hồi vốn nhanh, có hiệu quả.
- Huy động tối đa các nguồn lực trong và ngoài nước cho sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển.
- Xây dựng lực lượng cán bộ quản lý theo mô hình của các nước tiên tiến. Đào tạo và đào tạo lại đội ngũ công nhân tay nghề cao có thể chế tạo được những thiết bị đạt tiêu chuẩn quốc tế, vận hành tốt các nhà máy công nghiệp theo chế độ tự động hóa cũng như các thiết bị tiên tiến của thế giới.

❖ **Một số chỉ tiêu hoạt động cụ thể:**

Đến hết năm 2017, Công ty mẹ và các công ty con phần đầu đạt được các chỉ tiêu hoạt động sau đây:

- Tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu đạt từ 2,8% trở lên.
- Nộp ngân sách Nhà nước: Bảo đảm nộp theo yêu cầu ngân sách hàng năm.
- Cổ tức đạt 6%/năm
- Thu nhập của Cán bộ công nhân viên: Tăng theo năng suất lao động tăng bình quân đạt từ 15 – 20%.



16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá của cổ phiếu

Không có.

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Nguyễn Đình Hải	12/10/1960	012754188	Chủ tịch HĐQT (không điều hành)
2	Lê Văn Tuấn	02/09/1963	024123844	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (điều hành)
3	Nguyễn Văn Hùng	27/02/1979	001079002094	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc (điều hành)
4	Bùi Đức Kiên	19/12/1971	011452357	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng (điều hành)
5	Nguyễn Hữu Thành	03/09/1963	026074370	Thành viên HĐQT (không điều hành)

Các thông tin liên quan đến các thành viên Hội đồng quản trị như sau:

a) Ông Nguyễn Đình Hải - Chủ tịch HĐQT

Họ và tên : **NGUYỄN ĐÌNH HẢI**
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 12/10/1960
 Nơi sinh : Hải Dương
 CMND/ Hộ chiếu : 012754188
 Ngày cấp/Ngày hết hạn : 24/12/2004
 Nơi cấp : Hà Nội
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : E21, The Manor, Mễ Trì, Từ Liêm, thành phố Hà Nội
 Điện thoại : 043 8635298
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Xây dựng ngành Thông gió cấp nhiệt
 Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ tháng 3/1984 đến tháng 6/1989	Kỹ sư - Xí nghiệp Liên hợp Lắp máy số 69
Từ tháng 7/1989 đến tháng 2/1996	Đội trưởng; Chỉ huy trưởng - Xí nghiệp Lắp máy 69-1



	(sau này là Công ty cổ phần LILAMA 69-1)
Từ tháng 3/1996 đến tháng 8/1999	Phó giám đốc Công ty; Chỉ huy trưởng tại Công ty Lắp máy và Xây dựng Hà Nội (sau này là Công ty cổ phần LILAMA Hà Nội) Trưởng Đại diện LILAMA.
Từ tháng 9/1999 đến tháng 6/2001	Giám đốc Công ty tại Công ty Lắp máy và Xây dựng số 10 (sau này là Công ty cổ phần LILAMA 10)
Từ tháng 7/2001 đến tháng 4/2005	Giám đốc tại Công ty Chế tạo thiết bị và đóng tàu Hải Phòng (sau này là Công ty cổ phần LISEMCO)
Từ tháng 5/2005 đến tháng 6/2009	- Phó Tổng giám đốc Tổng công ty; - Chủ tịch; Tổng giám đốc công ty TNHH một thành viên Chế tạo thiết bị và đóng tàu Hải Phòng; - Giám đốc Ban dự án: Nhiệt điện Uông Bí, Lọc dầu Dung Quất - Tổng công ty Lắp máy Việt Nam
Từ tháng 7/2009 đến tháng 8/2010	- Chủ tịch Hội đồng quản trị tại Tổng công ty Lắp máy Việt Nam; - Ủy viên Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Xây dựng Việt Nam (Tập đoàn Sông Đà)
Từ tháng 9/2010 đến tháng 9/2011	- Ủy viên Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Xây dựng Việt Nam; - Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP
Từ tháng 10/2011 đến tháng 10/2012	Phó chủ tịch Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Xây dựng Việt Nam; Chủ tịch Hội đồng thành viên - Tổng công ty Lắp máy Việt Nam
Từ 11/2012 đến 29/3/2016	Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng công ty Lắp máy Việt Nam
Từ 29/3/2016 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng công ty Lắp máy Việt Nam -CTCP

Chức vụ tại công ty	: Chủ tịch Hội đồng quản trị tại Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP
Chức vụ tại tổ chức khác	: Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	: 22.257.230 cổ phần
- Đại diện sở hữu cho Bộ Xây dựng	: 22.224.130 cổ phần, chiếm 27,88 % vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu	: 33.100 cổ phần, chiếm 0,0415 % vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	: Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	: Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không có



Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

b) Ông Lê Văn Tuấn – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Họ và tên : **LÊ VĂN TUẤN**
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 02/09/1963
 Nơi sinh : Thanh Hóa
 CMND/ Hộ chiếu : 024123844
 Ngày cấp/Ngày hết hạn : 25/12/2013
 Nơi cấp : Thành phố Hồ Chí Minh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : Số 118K đường Nguyễn Thị Định, phường An Phú, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
 Điện thoại : 043 6249332
 Trình độ chuyên môn: : Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy
 Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ tháng 8/1985 đến tháng 11/1993	Kỹ sư giám sát thi công tại Xí nghiệp Liên hợp Lắp máy 45
Từ tháng 12/1993 đến tháng 4/1999	Đội trưởng, Giám đốc Xí nghiệp tại Xí nghiệp Lắp máy 45-1 (sau này là Công ty Lắp máy và Xây dựng 45-1/ Công ty cổ phần LILAMA 45-1) - Trưởng Đại diện LILAMA tại DA XM Nghi Sơn.
Từ tháng 5/1999 đến tháng 4/2000	Phó giám đốc tại Công ty Lắp máy và Xây dựng 45-1 - Trưởng Đại diện LILAMA
Từ tháng 5/2000 đến tháng 7/2006	Giám đốc tại Công ty Lắp máy và Xây dựng 18 - Trưởng Đại diện LILAMA tại các DA Lọc dầu Dung Quất, điện Phú Mỹ, Trung tâm Hội nghị quốc gia, điện Cà Mau
Từ tháng 8/2006 đến tháng 6/2009	- Phó Tổng giám đốc tại Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - Chủ tịch Hội đồng quản trị các công ty LILAMA: 18, 45-1, 45-4. - Tổng giám đốc Công ty cổ phần LILAMA 18 tại Cty CP Lilama 18
Từ tháng 7/2009 đến 20/8/2010	Phó Tổng giám đốc thường trực tại Tổng công ty Lắp máy Việt Nam
Từ 21/8/2010 đến 29/3/2016	Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc tại Tổng công ty Lắp máy Việt Nam
Từ tháng 29/3/2016 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc tại Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP

Chức vụ tại công ty	: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc tại Tổng công ty Lắp máy Việt Nam-CTCP
Chức vụ tại tổ chức khác	: Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	: 19.989.026 cổ phần
- Đại diện sở hữu cho Bộ Xây dựng	: 19.931.526 cổ phần, chiếm 25 % vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu	: 57.500 cổ phần, chiếm 0.07 % vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	: Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	: Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	: Không có

c) Ông Nguyễn Văn Hùng – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Họ và tên	: NGUYỄN VĂN HÙNG
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 27/02/1979
Nơi sinh	: Hà Nội
CMND/ Hộ chiếu	: 001079002094
Ngày cấp/Ngày hết hạn	: 03/7/2014
Nơi cấp	: Hà Nội
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: Xóm Đồng, xã Phụng Châu, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội
Điện thoại	: 043 6245170
Trình độ chuyên môn:	: Kỹ sư Công nghệ chế tạo máy
Quá trình công tác	:

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ tháng 10/2001 đến tháng 12/2002	Kỹ sư tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn EBARA Việt Nam
Từ tháng 1/2003 đến tháng 6/2006	Kỹ sư, phụ trách phòng kỹ thuật Ban dự án Điện Đạm Cà Mau tại Tổng công ty Lắp máy Việt Nam
Từ tháng 7/2006 đến tháng 3/2009	Phó giám đốc Ban dự án Điện Đạm Cà Mau tại Tổng công ty Lắp máy Việt Nam
Từ tháng 4/2009 đến tháng 8/2011	Giám đốc Ban dự án Điện Nhơn trạch 2 tại Tổng công ty Lắp máy Việt Nam
Từ tháng 9/2011 đến 10/3/2015	Trưởng phòng Kinh tế kỹ thuật tại Tổng công ty Lắp máy Việt Nam



Từ tháng 11/3/2015 đến 29/3/2016	Phó Tổng giám đốc kiêm Trưởng phòng Kinh tế kỹ thuật tại Tổng công ty Lắp máy Việt Nam
Từ tháng 29/3/2016 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc kiêm Trưởng phòng Kinh tế kỹ thuật tại Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP

Chức vụ tại công ty : Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc kiêm Trưởng phòng Kinh tế kỹ thuật tại Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP

Chức vụ tại tổ chức khác : Không có

Tổng số cổ phần nắm giữ : 11.990.216 cổ phần

- Đại diện sở hữu cho Bộ Xây dựng : 11.958.916 cổ phần, chiếm 15 % vốn điều lệ

- Cá nhân sở hữu : 31.300 cổ phần, chiếm 0.04 % vốn điều lệ

- Cá nhân sở hữu

Sở hữu của người có liên quan :

Họ tên	Mối quan hệ	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Nguyễn Thị Thu Phương	Chị ruột	300.000	0,376%

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

Những khoản nợ đối với Công ty : Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

d) Ông Bùi Đức Kiên – Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Họ và tên : **BÙI ĐỨC KIÊN**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 19/12/1971

Nơi sinh : Hưng Yên

CMND/ Hộ chiếu : 011452357

Ngày cấp/ Ngày hết hạn : 19/7/2008

Nơi cấp : Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Số 20, ngách 583/29 phố Kim Ngưu, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội.

Điện thoại : 043 6245170

Trình độ chuyên môn: : Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ tháng 2/1994 đến tháng 3/1996	Kế toán viên tại Xí nghiệp Lắp máy 45-1 (sau này là Công ty cổ phần LILAMA 45-1)



Từ tháng 4/1996 đến tháng 4/2002	Kế toán viên tại Tổng công ty Lắp máy Việt Nam
Từ tháng 5/2002 đến tháng 4/2012	Phó phòng Tài chính kế toán tại Tổng công ty Lắp máy Việt Nam
Từ tháng 4/2012 đến 29/3/2016	Kế toán trưởng tại Tổng công ty Lắp máy Việt Nam
Từ tháng 29/3/2016 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng tại Tổng công ty Lắp máy Việt Nam -CTCP

Chức vụ tại công ty : Thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng tại Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP

Chức vụ tại tổ chức khác : Không có

Tổng số cổ phần nắm giữ : 11.978.916

- Đại diện sở hữu cho Bộ Xây dựng : 11.958.916 cổ phần, chiếm 15 % vốn điều lệ

- Cá nhân sở hữu : 20.000 cổ phần, chiếm 0.0251 % vốn điều lệ

Sở hữu của người có liên quan : Không có

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

Những khoản nợ đối với Công ty : Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

e) Ông Nguyễn Hữu Thành – Thành viên HĐQT

Họ và tên : **NGUYỄN HỮU THÀNH**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 03/9/1963

Nơi sinh : Nghệ An

CMND/ Hộ chiếu : 026074370

Ngày cấp/Ngày hết hạn : 14/8/2015

Nơi cấp : Tp.Hồ Chí Minh

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Nhà 19.04, chung cư An Khang A, phường An Phú, quận 2, Tp.Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 043 8636027

Trình độ chuyên môn: : Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ tháng 10/1985 đến tháng 12/1990	Kỹ sư tại Xí nghiệp Lắp máy số 10 (sau này là Công ty Lắp máy và Xây dựng số 10/ Công ty cổ phần LILAMA 10)
Từ tháng 1/1991 đến tháng 8/1996	Phó giám đốc xí nghiệp Lắp máy 10-2 tại Liên hợp Lắp



	máy 10
Từ tháng 9/1996 đến tháng 8/2004	Phó giám đốc tại Công ty Lắp máy và Xây dựng số 10
Từ tháng 9/2004 đến tháng 4/2006	Quyền Giám đốc, Giám đốc tại Công ty Lắp máy và Xây dựng số 45-3
Từ tháng 5/2006 đến tháng 7/2009	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc tại Công ty cổ phần LILAMA 45-3
Từ tháng 8/2009 đến tháng 10/2012	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc tại Công ty cổ phần LILAMA 45-1
Từ tháng 11/2012 đến 29/3/2016	Chủ tịch Hội đồng quản trị tại Công ty cổ phần LILAMA 45-1
Từ 29/3/2016 đến nay	- Thành viên Hội đồng quản trị tại Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - Chủ tịch Hội đồng quản trị tại Công ty cổ phần Lisemco

Chức vụ tại công ty	: Thành viên Hội đồng quản trị tại Tổng công ty Lắp máy Việt Nam
Chức vụ tại tổ chức khác	: Chủ tịch Hội đồng quản trị tại Công ty cổ phần Lisemco
Tổng số cổ phần nắm giữ	: 11.968.916
- Đại diện sở hữu cho Bộ Xây dựng	: 11.958.916 cổ phần, chiếm 15 % vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu	: 10.000 cổ phần, chiếm 0,0125 % vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	: Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	: Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	: Không có

2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND	Chức vụ
1.	Nguyễn Thị Thu Trang	15/02/1981	012086885	Trưởng Ban kiểm soát
2.	Lê Thị Thu Hồng	13/10/1976	038176000284	Thành viên Ban kiểm soát
3.	Nguyễn Văn Trường	22/7/1991	186672491	Thành viên Ban kiểm soát

Các thông tin liên quan đến các thành viên Ban kiểm soát như sau:

a) Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Trưởng ban kiểm soát

Họ và tên : **NGUYỄN THỊ THU TRANG**



Giới tính : Nữ
 Ngày tháng năm sinh : 15/02/1981
 Nơi sinh : Nam Định
 CMND/ Hộ chiếu : 012086885
 Ngày cấp/ Ngày hết hạn : 20/10/2011
 Nơi cấp : Hà Nội
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : Tổ 11, tập thể Cục xăng dầu, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội.
 Điện thoại : 0438632059 – Ext 118
 Trình độ chuyên môn: : Cử nhân Kinh tế
 Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ tháng 9/2002 đến tháng 1/2004	Nhân viên - Công ty cổ phần Xi măng Thăng Long
Từ tháng 2/2004 đến tháng 10/2013	Chuyên viên phòng Tài chính kế toán - Tổng công ty Lắp máy Việt Nam
Từ tháng 10/2013 đến 29/3/2016	Chuyên viên phòng Tài chính kế toán, kiêm nhiệm Kiểm soát viên không chuyên trách Tổng công ty Lắp máy Việt Nam
Từ 3/2016 đến nay	Trưởng Ban kiểm soát – Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP

Chức vụ tại công ty : Trưởng Ban kiểm soát – Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP
 Chức vụ tại tổ chức khác : Không có
 Tổng số cổ phần nắm giữ :
 - Đại diện sở hữu : Không có
 - Cá nhân sở hữu : 1.100 cổ phần, chiếm 0,0014 % vốn điều lệ
 Sở hữu của người có liên quan : Không có
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

b) Bà Lê Thị Thu Hồng – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên : **LÊ THỊ THU HỒNG**
 Giới tính : Nữ



Ngày tháng năm sinh : 13/10/1976
 Nơi sinh : Thanh Hóa
 CMND/ Hộ chiếu : 038176000284
 Ngày cấp/Ngày hết hạn : 11/12/2015
 Nơi cấp : Hà Nội
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : Số 23C, tổ 24 Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội
 Điện thoại : 043 8632059 – Ext 326
 Trình độ chuyên môn: : Cử nhân Luật
 Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ tháng 4/2000 đến nay	Chuyên viên phòng Pháp chế Thẩm định - Tổng công ty Lắp máy Việt Nam
Từ 3/2016 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát – Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP

Chức vụ tại công ty : Thành viên BKS
 Chức vụ tại tổ chức khác : Không có
 Tổng số cổ phần nắm giữ :
 - Đại diện sở hữu : Không có
 - Cá nhân sở hữu : 2.100 cổ phần, chiếm 0,0026 % vốn điều lệ
 Sở hữu của người có liên quan : Không có
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

c) Ông Nguyễn Văn Trường – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên : NGUYỄN VĂN TRƯỜNG
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 22/7/1991
 Nơi sinh : Nghệ An
 CMND/ Hộ chiếu : 186672491
 Ngày cấp/Ngày hết hạn : 13/11/2012
 Nơi cấp : Nghệ An
 Quốc tịch : Việt Nam



Địa chỉ thường trú : Số 19, ngách 20/15, đường Hồ Tùng Mậu, phường Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội.
Điện thoại : 0438632059- Ext: 212
Trình độ chuyên môn: : Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ tháng 9/2013 đến nay	Chuyên viên Ban quản lý dự án Tái cấu trúc Lilama - Tổng công ty Lắp máy Việt Nam
Từ 3/2016 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát – Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP

Chức vụ tại công ty : Thành viên Ban Kiểm soát, Chuyên viên Ban quản lý dự án Tái cấu trúc Lilama - Tổng công ty Lắp máy Việt Nam
Chức vụ tại tổ chức khác : Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ :
- Đại diện sở hữu : Không có
- Cá nhân sở hữu : 4.800 cổ phần, chiếm 0,01 % vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan : Không có
Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

3. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Lê Văn Tuấn	02/09/1963	024123844	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Trần Đình Đại	13/10/1961	012681713	Phó Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Văn Hùng	27/02/1979	001079002094	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
4	Lê Quốc Ân	29/7/1970	025773039	Phó Tổng Giám đốc
5	Vũ Văn Định	03/08/1957	010414242	Phó Tổng Giám đốc
6	Nguyễn Mạnh Dũng	22/01/1970	012757187	Phó Tổng Giám đốc
7	Bùi Đức Kiên	03/09/1963	026074370	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Các thông tin liên quan đến các thành viên Ban Giám đốc như sau:

a) Ông Lê Văn Tuấn – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Xem trong mục thông tin có liên quan đến thành viên HĐQT

b) Ông Trần Đình Đại – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : **TRẦN ĐÌNH ĐẠI**
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 13/10/1961
Nơi sinh : Bắc Giang
CMND/ Hộ chiếu : 012681713
Ngày cấp/Ngày hết hạn : 09/02/2009
Nơi cấp : Hà Nội
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ thường trú : Số 1, nhà D7, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
Điện thoại : 0438631945
Trình độ chuyên môn: : Kỹ sư Điện
Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ tháng 11/1982 đến tháng 03/1988	Kỹ sư, Đội trưởng đội điện Xí nghiệp Liên hợp Lắp máy 69 Phả Lại, Hải Dương.
Từ tháng 04/1988 đến tháng 02/1993.	Kỹ sư thi công - Công ty Lắp máy và XD số 10, Sông Đà, Hòa Bình
Từ tháng 03/1993 đến tháng 12/1997	Trưởng phòng Kinh tế Kỹ thuật Xí nghiệp Lắp máy 10-2 thuộc Công ty Lắp máy và XD số 10 tại công trình Thủy điện Vĩnh Sơn, Bình Định.
Từ tháng 01/1998 đến tháng 06/1999.	Trưởng phòng Kinh tế Kỹ thuật công ty Lắp máy và XD số 10.
Từ tháng 07/1999 đến tháng 05/2001.	Trưởng Văn phòng đại diện Lilama tại công trình Nhiệt điện Phả Lại II.
Từ tháng 05/2001 đến tháng 01/2002.	Quyền Giám đốc Công ty Lắp máy và XD số 10. - Kiêm Trưởng VPĐD Lilama tại công trình Nhà máy Lọc dầu Dung Quất.
Từ tháng 01/2002 đến tháng 12/2006.	Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Công ty Lắp máy và XD số 10
Từ tháng 01/2007 đến tháng 03/2009	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lilama 10.
Từ tháng 04/2009 đến tháng 07/2009	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lilama 10
Từ tháng 07/2009 đến tháng 09/2009	Giám đốc Ban dự án điện Vũng áng 1 thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam.



Từ tháng 10/2009 đến tháng 03/2010	Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam kiêm Giám đốc Ban dự án điện Vũng áng 1
Từ 15/03/2010 đến 29/3/2016	Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Ban dự án Lọc dầu Nghi Sơn Tổng công ty Lắp máy Việt Nam
Từ tháng 29/3/2016 - đến nay	Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Ban dự án Lọc dầu Nghi Sơn Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP

Chức vụ tại công ty	: Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Ban dự án Lọc dầu Nghi Sơn Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP
Chức vụ tại tổ chức khác	: Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	:
- Đại diện sở hữu	: Không có
- Cá nhân sở hữu	: 22.400 cổ phần, chiếm 0,03 % vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	: Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	: Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	: Không có

c) Ông Nguyễn Văn Hùng – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Xem trong mục thông tin có liên quan đến thành viên HĐQT

d) Ông Lê Quốc Ân – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên	: LÊ QUỐC ÂN
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 29/7/1970
Nơi sinh	: Hải Thiện, Hải lãng, Quảng Trị
CMND/ Hộ chiếu	: 025773039
Ngày cấp/Ngày hết hạn	: 30/09/2013
Nơi cấp	: Hồ Chí Minh
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: 116 Cô Bắc, phường Cô Giang, quận 1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại	: 0913195616
Trình độ chuyên môn:	: Kỹ sư Nhiệt điện
Quá trình công tác	:

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ năm 1994 đến năm 2001	Kỹ sư thi công các dự án Công ty Xây dựng và Lắp máy 45-1
Từ 2001 đến 4/2002	Kỹ sư – Công ty Xây dựng và Lắp máy số 18



Từ 5/2002 đến 4/2003	Giám đốc Công trường Lilama XD nhà máy lọc dầu Dung Quất – Cty Xây dựng và Lắp máy số 18
Từ 5/2003 đến 11/7/2007	Đội trưởng đội công trình số 6 - Cty Xây dựng và Lắp máy số 18
Từ 12/7/2007 đến 22/7/2009	Phó Tổng giám đốc kiêm Đội trưởng đội công trình số 6 – Cty Cp Lilama 18
Từ 23/7/2009 đến 8/3/2010	Tổng giám đốc – Cty CP Lilama 18
Từ 9/3/2010 đến 10/3/2015	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc – Cty CP Lilama 18
Từ 11/3/2015 đến 29/3/2016	- Phó Tổng giám đốc – Tổng công ty Lắp máy Việt Nam. - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama 18
Từ 29/3/2016 đến nay	Phó Tổng giám đốc – Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP.

- Chức vụ tại công ty : Phó Tổng giám đốc – Tổng công ty Lắp máy Việt Nam-CTCP.
- Chức vụ tại tổ chức khác : Không có
- Tổng số cổ phần nắm giữ :
- Đại diện sở hữu : Không có
 - Cá nhân sở hữu : 20.000 cổ phần, chiếm 0.0251 % vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

e) Ông Vũ Văn Định – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên : **VŨ VĂN ĐỊNH**
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 03/08/1957
- Nơi sinh : Phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội
- CMND/ Hộ chiếu : 010414242
- Ngày cấp/Ngày hết hạn : 14/11/2012
- Nơi cấp : TP Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Số 28, ngõ 31 Yên Bái 2, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại : 0436242141
- Trình độ chuyên môn: : Kỹ sư Nhiệt điện
- Quá trình công tác :



Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ tháng 3/1980 đến tháng 3/1987	Kỹ sư, Xí nghiệp lắp máy 69-1, Liên hợp Lắp máy 69 - Liên hiệp các Xí nghiệp Lắp máy
Từ tháng 4/1987 đến tháng 12/1988	Giám đốc Xí nghiệp Lắp máy chuyên ngành, Liên hợp Lắp máy 69 - Liên hiệp các Xí nghiệp Lắp máy.
Từ tháng 01/1989 đến tháng 9/1990	Phó Phòng Kỹ thuật, Xí nghiệp Liên hợp Lắp máy 10, Liên hiệp các xí nghiệp Lắp máy
Từ tháng 10/1990 đến tháng 01/1996	Trưởng phòng Kỹ thuật - Trung tâm nghiên cứu Kinh tế Kỹ thuật Lắp máy (sau này là Công ty Lắp máy và Thí nghiệm cơ điện, Công ty Cổ phần Lilama - Thí nghiệm cơ điện).
Từ tháng 02/1996 đến tháng 4/2001	Trưởng phòng Kinh tế Kỹ thuật Tổng công ty Lắp máy Việt Nam
Từ tháng 5/2001 đến 29/3/2016	Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam từng kiêm nhiệm Giám đốc các Ban dự án: Điện Uông Bí, Điện Cà Mau 1 & 2, Điện Vũng Áng 1.
Từ tháng 29/3/2016 – đến nay	Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP

Chức vụ tại công ty : Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP

Chức vụ tại tổ chức khác : Không có

Tổng số cổ phần nắm giữ :

- Đại diện sở hữu : Không có

- Cá nhân sở hữu : 10.000 cổ phần, chiếm 0.0125 % vốn điều lệ

Sở hữu của người có liên quan : Không có

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

Những khoản nợ đối với Công ty : Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

f) Ông Nguyễn Mạnh Dũng – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : **NGUYỄN MẠNH DŨNG**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 22/01/1970

Nơi sinh : Thành phố Thái Nguyên

CMND/ Hộ chiếu : 012757187

Ngày cấp/Ngày hết hạn : 1/09/2008

Nơi cấp : Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Phòng 614, Nhà Nơ 19, Khu đô thị mới Pháp Vân – Tứ Hiệp, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

Điện thoại : 0438632691

Trình độ chuyên môn: : Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ tháng 2/1993 đến tháng 5/1998	Kỹ thuật viên Xí nghiệp sửa chữa Xe máy, Công ty Gang thép Thái Nguyên
Từ tháng 1996 đến tháng 1998	Bí thư Đoàn thanh niên CSHCM xí nghiệp sửa chữa Xe máy
Từ tháng 5/1998 đến tháng 4/2004	Kỹ sư – Tổng công ty Lắp máy Việt Nam
Từ tháng 1/04/2004 đến tháng 10/2010	- Phó giám đốc Ban Dự án xi măng, Phó giám đốc Ban điều hành Tổng thầu EPC Dự án nhà máy xi măng Sông Thao – Tổng công ty Lắp máy Việt Nam. - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần xi măng Đô Lương - Phó Giám đốc Ban điều hành Tổng thầu EPC Dự án nhà máy xi măng Đô Lương – TCt Lắp máy Việt Nam
Từ tháng 10/2010 đến 31/06/2015	Quyền Trưởng phòng, Trưởng phòng Tổ chức nhân sự Tổng công ty Lắp máy Việt Nam
Từ 01/07/2015 đến 30/4/2016	Phó Tổng giám đốc kiêm nhiệm Trưởng phòng Tổ chức Nhân sự Tổng công ty Lắp máy Việt Nam
Từ tháng 30/4/2016 đến nay	Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP

Chức vụ tại công ty : Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP

Chức vụ tại tổ chức khác : Không có

Tổng số cổ phần nắm giữ :

- Đại diện sở hữu : Không có

- Cá nhân sở hữu : 12.200 cổ phần, chiếm 0.0153 % vốn điều lệ

Sở hữu của người có liên quan : Không có

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

Những khoản nợ đối với Công ty : Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

g) Ông Bùi Đức Kiên – Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Xem trong mục thông tin có liên quan đến thành viên HĐQT

4. Kế hoạch tăng cường quản trị của Tổng Công ty

Để tăng cường hiệu quả trong công tác quản trị, Hội đồng quản trị sẽ thực hiện các biện pháp nhằm tuân thủ các quy định của luật doanh nghiệp, quy chế quản trị công ty theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP. Các biện pháp thực hiện bao gồm:

❖ **Tái cấu trúc quản trị**

- Hoàn thiện cơ cấu quản trị công ty bao gồm việc phân tách chức năng của Ban Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị đảm bảo tính độc lập, tính giải trình theo thông lệ tốt nhất và theo quy định của pháp luật.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc bao gồm việc xây dựng cơ chế làm việc hiệu quả giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc, xây dựng hệ thống đánh giá hiệu quả hoạt động đối với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc (KPI).
- Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ để thực hiện giám sát rủi ro, đánh giá và hoàn thiện các thủ tục kiểm soát và hệ thống quản trị.
- Tăng cường công tác quản lý rủi ro: xây dựng chiến lược về quản lý rủi ro, cơ cấu tổ chức và cơ chế báo cáo về quản lý rủi ro làm cơ sở lập kế hoạch kiểm toán nội bộ.
- Tăng cường công tác kiểm toán nội bộ bao gồm rà soát tính hiệu lực, hiệu quả của hệ thống quản lý rủi ro và khung kiểm toán nội bộ.
- Hoàn thiện hệ thống thông tin phục vụ quản trị doanh nghiệp; thực hiện công bố thông tin và minh bạch.
- Hoàn thiện hệ thống giám sát công ty thành viên bao gồm các công cụ, hướng dẫn để giám sát thường xuyên và hiệu quả, theo dõi và đánh giá hoạt động của các công ty con.

❖ **Tái cơ cấu mô hình quản lý:**

Công ty mẹ - Tổng công ty sẽ đảm trách vai trò là nhà hoạch định chiến lược, vận hành năng động và đầu tư tài chính:

- Công ty mẹ xây dựng chiến lược phát triển tổng thể để định hướng hoạt động của các công ty con theo ngành nghề kinh doanh chính; Công ty mẹ sẽ hỗ trợ và giám sát quy trình xây dựng, triển khai thực hiện chiến lược tại các đơn vị thành viên.
- Công ty mẹ vẫn duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh và chiếm tỷ trọng lớn về sản lượng và doanh thu trong cơ cấu toàn Tổng công ty; Công ty mẹ sẽ quản lý tập trung về thông tin khách hàng, dự án, có chiến lược tổng thể trong việc tiếp thị đấu thầu các dự án; Phân cấp cho các công ty con tiến hành đấu thầu, nhận thầu, thực hiện những dự án có quy mô vừa và nhỏ phù hợp năng lực của công ty; Đối với những dự án lớn có quy mô lớn, tính chất kỹ thuật phức tạp, Công ty mẹ sẽ đảm nhận công tác tiếp thị đấu thầu và thực hiện vai trò tổng thầu EPC, nhà thầu chính.
- Công ty mẹ tiếp tục đầu tư vốn tăng tỷ lệ sở hữu vào các công ty con hoạt động trong ngành nghề chính và có hiệu quả; Thoái toàn bộ vốn tại các công ty liên kết, đầu tư tài chính, thoái vốn tại các công ty con hoạt động trong ngành nghề chính nhưng chưa hiệu quả và công ty

ngoài ngành.

❖ Tái cơ cấu mô hình tổ chức, lao động:

- Sắp xếp, kiện toàn bộ máy quản lý, các phòng ban chức năng tinh gọn hơn. Tiếp tục tuyển dụng mới, đào tạo và đào tạo lại lực lượng lao động; lập quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu quản trị doanh nghiệp.
- Giảm tỷ lệ lao động gián tiếp trong tổng số lao động hiện có xuống tỷ lệ phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý kinh doanh như: (1) Rà soát lại lực lượng lao động gián tiếp để điều chuyển đến làm việc tại các đơn vị sản xuất trực tiếp. (2) Tập dụng lực lượng lao động gián tiếp hiện có cử đi đào tạo, đào tạo lại những chuyên ngành mới mà Tổng công ty có nhu cầu và cử lực lượng này trực tiếp thực hiện công việc dịch vụ kỹ thuật như vận hành, chạy thử, bảo trì, bảo dưỡng các nhà máy công nghiệp.
- Xây dựng cơ chế tổ chức, hoạt động cho các ban quản lý dự án, ban dự án, ban điều hành LILAMA tại các công trường theo hướng tăng tính chủ động theo 02 hình thức: (1) Hoạt động độc lập về tài chính; (2) Hoạt động phụ thuộc có khoán chi phí.

❖ Tái cơ cấu các đơn vị thành viên

- Các công ty nòng cốt của LILAMA sẽ được định hướng đầu tư tăng quy mô theo hướng chuyên môn hóa vào 02 ngành nghề kinh doanh chính, trong đó 03 công ty nòng cốt sẽ là hạt nhân của lĩnh vực hoạt động EPC và thi công xây lắp chủ đạo là (1) EPC điện, (2) EPC Dầu khí, (3) EPC công nghiệp khác; 01 công ty là hạt nhân của hoạt động Cơ khí xuất khẩu và thí điểm.
- Căn cứ vào hiện trạng, điểm mạnh của từng công ty, LILAMA sẽ tiến hành sắp xếp, cơ cấu lại toàn bộ các công ty con vào nhóm ngành EPC và nhóm ngành cơ khí xuất khẩu và thí điểm. Trong mỗi nhóm ngành sẽ chọn ra một công ty mạnh nhất để đóng vai trò công ty nòng cốt, các công ty còn lại sẽ là công ty vệ tinh.
- Kiện toàn bộ máy tổ chức và nhân sự quản lý của các công ty thành viên đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, đồng thời triển khai thực hiện các giải pháp để thúc đẩy và nâng cao năng suất lao động.

III. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục 01:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. **Phụ lục 02:** Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm giai đoạn 06/04/2016 – 31/12/2016 (riêng và hợp nhất); Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán từ 01/7/2014-05/4/2016.

Tp. Hà Nội, ngày tháng năm 2017

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH
TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP**



TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Văn Tuấn

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI**



TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Đức Tiến